(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VÀ THƯƠNG MẠI THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VÀ THƯƠNG MẠI THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

Ngành: Quản trị kinh doanh

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh với đề tài: "**Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam**" là sản phẩm nghiên cứu của tôi. Số liệu và kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này chưa hề được công bố trên các nghiên cứu khác.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Tác giả luận văn

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy giáo hướng dẫn -, đã tận tình hướng dẫn và tạo mọi điều kiện tốt nhất để giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Thầy, Cô giảng viên khoa Khoa học quản lý cùng Ban Giám đốc Học viện Khoa học xã hội đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi về mọi mặt trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam cùng các đồng nghiệp trong Thông tấn xã Việt Nam đã tận tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi hoàn thành luận văn.

Vì nhiều lý do khách quan và chủ quan, luận văn còn những hạn chế nhất định. Tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các thầy cô giáo và các đồng nghiệp.

Trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Tác giả luận văn

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

7

1.1. Tổng quan về Quản trị tài chính trong doanh nghiệp 7

1.2. Nội dung Quản trị tài chính trong doanh nghiệp 10

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác Quản trị tài chính trong doanh nghiệp 23

Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VÀ THƯƠNG MẠI THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM 27

2.1. Giới thiệu chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

27

2.2. Khái quát công tác quản trị tài chính của công ty 29

2.3. Thực trạng công tác quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam 31

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác Quản trị tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

60

2.5. Đánh giá chung về công tác Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

64

Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VÀ THƯƠNG MẠI THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM 70

3.1. Mục tiêu hoàn thiện Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đến năm 2025 70

3.2. Những giải pháp hoàn thiện Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

71

3.3. Một số kiến nghị 76

KẾT LUẬN 80

TÀI LIỆU THAM KHẢO 80

PHỤ LỤC 80

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
CB, CNV	: Cán bộ, Công nhân viên
TCDN	: Tài chính doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
TSCĐ	: Tài sản cố định
VCĐ	: Vốn cố định
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
VLĐ	: Vốn lưu động
TTXVN	: Thông tấn xã Việt Nam
DN	: Doanh nghiệp

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Phân cấp quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam 34.

Bảng 2.2: Sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty qua các năm 31.

Bảng 2.3: Tài sản cố định hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam từ năm 2018 đến năm 2020 32

Bảng 2.4: Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị TSCĐ qua các năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam 33

Bảng 2.5: Cơ cấu vốn lưu động của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 – 2020 34

Bảng 2.6: Cơ cấu hàng tồn kho của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018-2020 35

Bảng 2.7: Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018-2020 37

Bảng 2.8: Đánh giá về hiệu quả kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020 38

Bảng 2.9: Đánh giá về công tác quản trị sử dụng vốn 39

Bảng 2.10: Doanh thu của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020 48

Bảng 2.11: Cơ cấu doanh thu của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020 42

Bảng 2.12: Doanh thu tài chính và thu nhập khác của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020 43

Bảng 2.13: Đánh giá về công tác quản trị doanh thu 44

Bảng 2.14: Tình hình chi phí của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại

TTXVN giai đoạn 2018-2020
53
Bảng 2.15: Chi phí của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018-2020 54
Bảng 2.16: Chi phí nhân công hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020
49
Bảng 2.17: Chi phí sản xuất chung hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam trong giai đoạn 2018 – 2020 50
Bảng 2.18: Đánh giá về công tác quản trị chi phí sản xuất 51
Bảng 2.19: Lợi nhuận hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020
52
Bảng 2.20: Cơ cấu lợi nhuận trước thuế của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020
53
Bảng 2.21: Phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020
54
Bảng 2.22: Đánh giá về công tác Quản trị lợi nhuận 55
Bảng 2.23: Tính toán vốn luân chuyển từ năm 2018-2020 56
Bảng 2.24: Hệ số thanh toán hiện hành từ năm 2018-2020 57
Bảng 2.25: Hệ số thanh toán nhanh từ năm 2018 - 2020 57
Bảng 2.26: Tính toán hệ số khả năng trả nợ lãi vay từ năm 2018-2020 58
Bảng 2.27: Tính toán tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu giai đoạn 2018-2020 58
Bảng 2.28: Đánh giá về cơ chế công cụ và hình thức quản lý 59
Bảng 2.29: Đánh giá về chất lượng đội ngũ cán bộ quản trị tài chính 61
Bảng 2.30: Đánh giá về cơ chế công cụ và hình thức quản lý 63
Bảng 3.1: Dự kiến kết quả hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đến năm 2025
71

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH In và Thương mại TTXVN 29

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quản trị tài chính là một bộ phận quan trọng của quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động kinh doanh đều ảnh hưởng tới hoạt động tài chính, ngược lại tình hình tài chính tốt hay xấu lại có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm quá trình phát triển hoạt động kinh doanh. Do đó, để phục vụ cho công tác quản trị hoạt động kinh doanh có hiệu quả các nhà quản trị cần phải thường xuyên tổ chức Quản trị tài chính của Doanh nghiệp cho tương lai. Bởi vì thông qua việc tính toán, phân tích tài chính cho ta biết những điểm mạnh và điểm yếu về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như những tiềm năng cần phát huy và những nhược điểm cần khắc phục. Từ đó các nhà quản trị có thể xác định được nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị mình trong thời gian tới. Và những điều thiết yếu đó chỉ có được trong Quản trị tài chính doanh nghiệp [3]. Trong khi đó tại Việt Nam, *"khoảng trống về quản trị tài chính"* lại là một vấn đề đáng báo động khi mà ngoại trừ một số doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài còn lại đại đa số doanh nghiệp đều chưa hình thành bộ phận quản trị tài chính. Do đó, chức năng quản trị tài chính được kiêm nhiệm và không thực sự phát huy được vai trò quan trọng của nó.

Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp in I, được thành lập năm 1982 theo Quyết định số 309/QĐ-TC ngày 08/9/1982 của Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam . Ngày 01/8/2004, Xí nghiệp in I sáp nhập với Công ty Tin học Thông tấn xã Việt Nam và đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, trực thuộc Thông tấn xã Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của công ty là: Sản xuất in các sản phẩm sách, báo, tạp chí, bản tin, catalogue thương mại, các loại sách hướng dẫn (manuals, guide books), tem, nhãn bao bì…; Kinh doanh xuất nhập khẩu giấy và các loại vật tư ngành in [5]. Đây là một lĩnh vực đòi hỏi tiềm lực về tài chính lớn, vì vậy cần thiết phải có một cách thức quản trị tài chính khoa học và hiệu quả, nhất là trong môi trường tài chính phát triển sôi động nhưng cũng đầy biến động hiện nay. Một trong những việc cần làm là quản trị tốt tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng quản trị tài chính của Công ty, tác giả đã chọn nghiên cứu đề tài "Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam" làm luận văn Thạc sĩ chuyên ngành quản trị kinh doanh.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Phạm Công Dũng (2018), "Quản trị tài chính của công ty cổ phần kim khí Hà Nội", luận văn thạc sĩ kinh tế, trường Đại học kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. Công trình đã phân tích được những kết quả đạt được và hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về quản trị tài chính tại các doanh nghiệp, phân tích và đánh giá hoạt động quản trị tài chính của Công ty cổ phần kim khí Hà Nội, từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản trị tài chính tại Công ty cổ phần kim khí Hà Nội, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

Nguyễn Văn Minh (2018), "Quản trị tài chính tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu Huy Hoàng", luận văn thạc sĩ của trường Đại học kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội. Công trình đã hệ thống được cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị tài chính trong đơn vị, đồng thời tác giả đã phân tích thực trạng công tác quản trị tài chính tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu Huy Hoàng, với kết quả phân tích thực trạng, công trình đã phân tích được những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị tài chính tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu Huy Hoàng trong thời gian tới

Nguyễn Trà Giang (2018), "Nâng cao hiệu quả Quản trị tài chính tại công ty cổ phần sản xuất kinh doanh Công trình Việt", luận văn thạc sĩ kế toán của trường Đại học Mở Hà Nội. Công trình đã hệ thống và làm rõ được cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị tài chính trong đơn vị, trên cơ sở những lý luận, trên cơ sở đó tác giả đã phân tích thực trạng công tác phân tích thực trạng quản trị tài chính tại công ty cổ phần sản xuất kinh doanh công trình Việt, với kết quả phân tích thực trạng, tác giả đã chỉ ra một số kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị tài chính tại công ty cổ phần sản xuất kinh doanh công trình Việt đến năm 2025.

Trần Việt Dũng (2019), " Phân tích và một số giải pháp tăng cường quản lý tài chính tại Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên", luận văn thạc sĩ kế toán Học viện Khoa học xã hội. Công trình đã nêu những vấn đề lý luận về

phân tích báo cáo tài chính và một số giải pháp tăng cường quản lý tài chính tại công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên. Từ đó tác giả cũng có những đề suất giải pháp thích hợp để hoàn thiện việc quản lý tài chính được tốt hơn.

Từ tổng quan các công trình nghiên cứu trên đây, tác giả nhận thấy chưa có đề tài nghiên cứu nào cụ thể và chuyên sâu về **"Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam"**. Điều này thể hiện tính độc lập nghiên cứu của tác giả.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Tổng hợp lý luận cơ bản về phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, làm rõ những điểm mạnh, điểm yếu về tình hình tài chính của công ty và đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác quản trị tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đánh giá thực trạng Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, phân tích các yếu tố ảnh hưởng và đánh giá những ưu điểm đạt được, những mặt hạn chế còn tồn tại trong công tác quản trị tài chính tại công ty và tìm hiểu nguyên nhân của những hạn chế tồn tại đó. Đề xuất những giải pháp cần thực hiện để hoàn thiện Quản trị tài chính tại Công ty, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động Quản trị tài chính, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tình hình tài chính và phân tích các chỉ số tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, bao gồm 07 vấn đề:

Vấn đề 1: Quản trị nguồn

vốn. Vấn đề 2: Quản trị doanh

thu.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Vấn đề 3: Quản trị chi phí.

Vấn đề 4: Quản trị lợi nhuận.

Vấn đề 5: Quản trị khả năng kthanh toán

Vấn đề 6: Công tác kiểm tra, giám sát về tài chính.

Vấn đề 7: Các tác nhân tham gia hoạt động đầu tư, sử dụng, quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Đề tài đươc nghiên cứu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

Về thời gian nghiên cứu: Các tài liệu, số liệu phục vụ nghiên cứu được thu thập khoảng thời gian 3 năm từ năm 2018 đến năm 2020.

Về nội dung nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu về Quản trị tài chính, trên cơ sở đánh giá các thực trạng từ đó làm cơ sở đưa ra các giải pháp hoàn thiện Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

- Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp: Các dữ liệu thứ cấp được tìm từ các sách, báo, giáo trình. Các tài liệu về quá trình hình thành và phát triển của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam. Báo cáo tài chính trong 03 năm: 2018, 2019 và năm 2020.

Số liệu thứ cấp được tác giả thu thập qua một số kênh như: Số liệu tài chính của công ty; các số liệu báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế thành phố Hà Nội … Số liệu thứ cấp được thu nhập để làm căn cứ viết chương 1 và 2 trong luận văn.

- Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp: Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua quá trình phỏng vấn trực tiếp cán bộ, các phòng ban chức năng của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

Để đánh giá một cách chính xác và toàn diện Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, tác giả đã tiến hành khảo sát thực tế tại phòng kế toán và thông qua các nhân viên phòng kinh doanh trong công ty dưới hình thức phát phiếu điều tra.

Nội dung phiếu bao gồm:

- Quản trị nguồn vốn
- Quản trị doanh thu
- Quản trị chi phí
- Quản trị lợi nhuận
- Quản trị khả năng thanh toán
- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản trị tài chính
- Cơ chế, công cụ, hình thức quản lý

Trong mỗi nội dung lại chia ra các tiêu chí đánh giá dưới dạng câu hỏi.

Với mỗi tiêu chí có 5 mức độ đánh giá như sau:

1 - Không tốt : mức điểm 1

2 - Chưa đạt yêu cầu : mức điểm 2

3 - Chấp nhận được : mức điểm 3

4 - Tốt : mức điểm 4

5 - Rất tốt : mức điểm 5

Khi đánh giá các tiêu chí, nhân viên công ty được khảo sát nếu đồng ý phương án nào thì tích vào phương án đó, nếu không chọn thì để trống.

Điểm trung bình tiêu chí = $\frac{\sum d_i . n_i}{N}$

Trong đó: - d_i là mức điểm đánh giá cho tiêu chí

- n_i là số người đánh giá mức điểm d_i cho tiêu chí

- N là tổng số phiếu khảo sát hợp lệ

Sau quá trình điều tra thực tế, tác giả tiến hành tổng hợp các kết quả, loại bỏ các phiếu không hợp lệ (là các phiếu trống, tích trùng hoặc bỏ sót), kết quả thu được như sau:

Tổng số phiếu phát ra: 120 phiếu Số phiếu không hợp lệ: 20 phiếu Số phiếu hợp lệ: 100 phiếu

Đây là các nội dung được tác giả sử dụng làm căn cứ để thực hiện viết chương 2 của luận văn.

5.2. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu được xử lý bằng bảng tính Excel, máy tính điện tử tính ra số bình quân,

tương đối, tuyệt đối sau đó so sánh số liệu qua các năm, số liệu các công ty cùng

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

ngành, số liệu ngành… từ đó rút ra nhận xét đánh giá về Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

5.3 Phương pháp phân tích số liệu

Phương pháp phân tích bao gồm: phương pháp thống kê và phương pháp số chênh lệch. Công ty phân tích và tổng hợp số liệu chủ yếu thông qua phương pháp thống kê và so sánh, kết hợp cả 2 cách là so sánh ngang và so sánh dọc chủ yếu là so sánh bằng số tuyệt đối và tương đối. Từ đó kết luận được tình hình biến động và xác định nguyên nhân biến động.

6. Những đóng góp của luận văn

Về mặt lý luận: góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản trị tài chính và phân tích các chỉ số tài chính trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tiễn: đề xuất những giải pháp cần thực hiện để hoàn thiện Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về Quản trị tài chính trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về Quản trị tài chính trong doanh nghiệp

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp

Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh [9]. Vấn đề đầu tiên đối với mỗi doanh nghiệp là bảo đảm đủ vốn, đáp ứng được yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tiếp đó, phải thực hiện đầu tư vốn, phân bổ vốn như thế nào cho hợp lý để đạt được mục tiêu đề ra một cách hiệu quả nhất. Quá trình huy động vốn, đầu tư vốn đã làm hình thành nên các quỹ tiền tệ, phân phối và sử dụng cho các mục đích nhất định. Quá trình này làm xuất hiện các dòng tiền tệ đi vào và đi ra khỏi doanh nghiệp. Điều đó đặt ra cho doanh nghiệp yêu cầu phải có một hệ thống quản trị bao gồm các phương thức và công cụ để huy động, sử dụng vốn kinh doanh một cách có hiệu quả. Đó cũng chính là nội dung của tài chính doanh nghiệp [8].

Vậy, tài chính doanh nghiệp là các phương thức huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính của các doanh nghiệp nhằm đạt tới mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp [8].

1.1.1.2. Khái niệm quản trị tài chính

Quản trị tài chính doanh nghiệp là sự tác động của nhà quản trị tới các hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nó được thực hiện thông qua một cơ chế, đó là cơ chế Quản trị tài chính doanh nghiệp. Cơ chế Quản trị tài chính doanh nghiệp được hiểu là một tổng thể các phương pháp, các hình thức và công cụ được vận dụng để quản trị các hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong những điều kiện cụ thể nhằm đạt được những mục tiêu nhất định [4]. Việc quản trị tài chính bao gồm việc lập các kế hoạch tài chính dài hạn và ngắn hạn, đồng thời quản trị có hiệu quả vốn hoạt động thực của công ty. Đây là công việc rất quan trọng đối với tất cả các doanh nghiệp bởi vì nó ảnh hưởng đến cách thức và phương thức mà nhà quản trị thu hút vốn đầu tư để thành lập, duy trì và mở rộng công việc kinh doanh. Lập kế hoạch tài chính sẽ cho phép quyết định lượng nguyên liệu thô doanh nghiệp có thể mua, sản phẩm công ty có thể sản xuất và khả năng công ty có thể tiếp thị, quảng cáo để bán sản phẩm ra thị trường. Khi có

kế hoạch tài chính, doanh nghiệp cũng có thể xác định được nguồn nhân lực doanh

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

nghiệp cần. Quản trị tài chính doanh nghiệp (Financial Management) là một trong những công việc quan trọng của người quản trị doanh nghiệp bởi quản trị tài chính tốt không chỉ giúp doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận mà còn đưa doanh nghiệp vượt đà phát triển [8].

1.1.2. Ý nghĩa và mục tiêu của Quản trị tài chính trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Ý nghĩa Quản trị tài chính trong doanh nghiệp

Quản trị tài chính doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với bản thân chủ doanh nghiệp và các đối tượng bên ngoài có liên quan đến tài chính của doanh nghiệp [8].

- ***Đối với nhà quản trị doanh nghiệp***

Nhà quản trị tài chính cần hợp tác với nhà quản trị khác lên kế hoạch và dự toán chi phí cho các tình huống tương lai của doanh nghiệp. Nhà quản trị tài chính phải hợp tác với các nhà quản trị khác trong doanh nghiệp bảo đảm hoạt động của doanh nghiệp có hiệu quả. Mọi kết quả kinh doanh đều có liên quan đến vấn đề tài chính và nó cần phải được đưa vào tính toán cho đầy đủ. Các nhà quản trị doanh nghiệp cần có đủ thông tin để đánh giá tình hình tài chính đã qua. Từ đó tiến hành cân đối tài chính, khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, trả nợ, rủi ro tài chính của doanh nghiệp [8].

- ***Đối với các nhà đầu tư***

Một doanh nghiệp thành công thường tăng doanh thu nhanh chóng do vậy nó đòi hỏi phải đầu tư thêm vào loại tài sản cố định, thiết bị máy móc nguồn dự trữ. Nhà quản trị tài chính phải giúp xác định tỷ lệ lương bán tăng tối ưu, quyết định của các loại tài sản và phương pháp tài trợ tốt nhất cho đầu tư. Chẳng hạn, doanh nghiệp sẽ tài trợ đầu tư bằng vốn cổ phần hay vốn vay. Nếu chọn hình thức tài trợ bằng vốn vay, thì vốn vay dài hạn hay ngắn hạn, thời hạn vay và lãi suất như thế nào. Mối quan tâm của họ chủ yếu vào khả năng hoàn vốn, mức sinh lãi, khả năng thanh toán vốn và sự rủi ro. Vì thế họ cần thông tin về điều kiện tài chính, tình hình hoạt động, về kết quả kinh doanh và các tiềm năng của doanh nghiệp [8].

- ***Đối với các nhà cho vay***

Mối quan tâm của họ hướng đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Qua việc phân tích tài chính doanh nghiệp, họ đặc biệt chú ý tới số lượng tiền và các tài sản

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

có thể chuyển đổi thành tiền nhanh để từ đó có thể so sánh và biết được khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp.

- ***Đối với cơ quan nhà nước và người lao động***

Đối với cơ quan nhà nước, qua việc Quản trị tài chính doanh nghiệp, sẽ đánh giá được năng lực lãnh đạo của ban giám đốc, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư bổ sung vốn cho các doanh nghiệp nữa hay không. Việc thường xuyên tiến hành Quản trị tài chính doanh nghiệp sẽ giúp cho người sử dụng thấy được thực trạng hoạt động tài chính, từ đó xác định được nguyên nhân và mức độ ảnh hưởng đến từng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó có những biện pháp hữu hiệu và ra các quyết định cần thiết để nâng cao chất lượng công tác quản trị kinh doanh, sản xuất kinh doanh văn hóa doanh nghiệp phù hợp [2].

Hiểu được tình hình tài chính của doanh nghiệp để biết được khả năng phát triển của mình khi làm trong doanh nghiệp. Những thông tin này trực tiếp liên quan tới các quyền lợi cùng trách nhiệm đến khách hàng và tương lai của họ.

1.1.2.2. Mục tiêu của quản trị tài chính trong doanh nghiệp

Quản trị tài chính nghĩ rộng ra là việc kiểm soát dòng tiền vào ra của doanh nghiệp và việc phân bổ các nguồn tài chính sao cho phù hợp. Mỗi doanh nghiệp đều có những mục tiêu khác nhau trong từng thời kỳ phát triển [8]. Dưới góc độ các nhà kinh tế hiện nay thì người ta thường đề ra hai mục tiêu cơ bản.

- Tối đa hóa chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá kinh doanh của công ty có lãi hay không? Tuy nhiên, nếu chỉ có mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sau thuế thì chưa hẳn đánh giá được giá trị của cổ đông doanh nghiệp, chỉ tiêu này không nói lên được doanh nghiệp phải bỏ ra những gì để có được lợi nhuận cực đại. Do đó, cần bổ sung thêm chỉ tiêu tối đa hóa lợi nhuận trên vốn cổ phần.

- Tối đa hóa lợi nhuận trên vốn cổ phần: Mục tiêu này có thể bổ sung hạn chế trên của mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sau thuế. Tuy nhiên, vẫn có một số hạn chế nhất định như không xét đến yếu tố thời giá tiền tệ và yếu tố rủi ro. Vì vậy mục tiêu tối đa hóa giá trị thị trường của cổ phiếu được xem là mục tiêu thích hợp nhất của quản trị tài chính công ty vì nó chú ý nhiều yếu tố như độ dài thời gian, rủi ro, chính sách cổ tức và những yếu tố khác ảnh hưởng đến giá cổ phiếu.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

1.2. Nội dung Quản trị tài chính trong doanh nghiệp

1.2.1. Quản trị nguồn vốn

1.2.1.1. Quản trị sử dụng vốn và tài sản trong phạm vi doanh nghiệp

Doanh nghiệp là một đơn vị kinh doanh độc lập, được tự chủ trong hoạt động kinh tế và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Mục tiêu cuối cùng của chính sách quản trị sử dụng vốn và tài sản là bảo toàn và phát triển vốn tại doanh nghiệp. Vì thế, doanh nghiệp có nghĩa vụ theo dõi chặt chẽ sự biến động của vốn và tài sản, đảm bảo theo đúng các nguyên tắc kế toán hiện hành, tránh thất thoát tài sản. Đồng thời doanh nghiệp cũng phải được trao quyền lựa chọn cơ cấu tài sản và các loại vốn cho hợp lý nhằm phát triển kinh doanh có hiệu quả. Doanh nghiệp được quyền sử dụng vốn và quỹ để kinh doanh theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Doanh nghiệp được quyền thay đổi cơ cấu tài sản và các loại vốn cho việc phát triển kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Doanh nghiệp phải xây dựng quy chế quản trị, bảo quản, sử dụng tài sản của doanh nghiệp; quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân đối với các trường hợp làm hư hỏng, mất mát tài sản.

Định kỳ và khi kết thúc năm tài chính doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê toàn bộ tài sản và vốn hiện có. Xác định chính xác số tài sản thừa, thiếu, tài sản ứ đọng, mất phẩm chất, nguyên nhân và xử lý trách nhiệm; đồng thời để có căn cứ lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải mở sổ theo dõi chi tiết tất cả các khoản công nợ phải thu trong và ngoài doanh nghiệp. Định kỳ (tháng, quý) doanh nghiệp phải đối chiếu, tổng hợp, phân tích tình hình công nợ phải thu; đặc biệt là các khoản nợ đến hạn, quá hạn và các khoản nợ khó đòi. Các khoản nợ không thu hồi được, cần xác định rõ mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp xử lý.

Doanh nghiệp được quyền cho thuê hoạt động các tài sản thuộc quyền quản trị và sử dụng của mình, để nâng cao hiệu suất sử dụng, tăng thu nhập nhưng phải theo dõi, thu hồi tài sản khi hết hạn cho thuê. Đối với tài sản cho thuê hoạt động, doanh nghiệp vẫn phải trích khấu hao theo chế độ quy định. Doanh nghiệp được đem tài sản thuộc quyền quản trị và sử dụng của mình để cầm cố, thế chấp vay vốn hoặc bảo lãnh tại các tổ chức tín dụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Doanh nghiệp không được đem cầm cố, thế chấp, cho thuê các tài sản đi mượn, đi thuê, nhận

giữ hộ, nhận cầm cố, nhận thế chấp,... của doanh nghiệp khác nếu không được sự đồng ý của chủ sở hữu tài sản đó.

Doanh nghiệp được nhượng bán các tài sản không cần dùng, lạc hậu về kỹ thuật để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh có hiệu quả hơn. Chênh lệch giữa số tiền thu được do thanh lý, nhượng bán tài sản với giá trị còn lại trên sổ kế toán và chi phí nhượng bán, thanh lý (nếu có) được hạch toán vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Mọi tổn thất tài sản của doanh nghiệp phải lập biên bản xác định mức độ, nguyên nhân và trách nhiệm đưa ra biện pháp xử lý.

Doanh nghiệp được đánh giá lại tài sản và hạch toán tăng giảm vốn khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản trong các trường hợp sau: Kiểm kê đánh giá lại tài sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Thực hiện cổ phần hóa, đa dạng hóa hình thức sở hữu, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp; Dùng tài sản để liên doanh, góp vốn cổ phần (khi đem tài sản đi góp vốn và khi nhận tài sản về).

Trong quá trình quản trị cũng như công tác kiểm tra giám sát doanh nghiệp, tiêu chí thường được sử dụng đó là:

** Hiệu suất sử dụng tài sản cố định:*

$$\text{Hiệu suất sử dụng TSCĐ} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Nguyên giá TSCĐ bình quân}}$$

Ý nghĩa của hiệu suất sử dụng tài sản cố định là cho biết một đồng giá trị tài sản (máy móc thiết bị + nhà xưởng) tạo ra được bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Như vậy, chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ một đồng giá trị tài sản tạo ra được nhiều doanh thu thuần hơn.

** Hiệu suất sử dụng vốn cố định:*

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn cố định} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số vốn cố định bình quân}}$$

Hiệu suất sử dụng vốn cố định cho biết cứ bỏ ra một đồng vốn cố định sẽ thu được bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Như vậy, cũng giống như chỉ số hiệu suất sử dụng tài sản cố định, chỉ số hiệu suất sử dụng vốn cố định càng cao chứng tỏ công ty đang tận dụng tốt nguồn vốn cố định trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang

lại nhiều doanh thu thuần hơn.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

1.2.1.2. Quản trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp

Doanh nghiệp được sử dụng vốn, tài sản để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và đảm bảo nhiệm vụ thu nộp Ngân sách nhà nước; việc đầu tư phải tuân theo các quy định hiện hành của pháp luật. Các hình thức đầu tư ra ngoài doanh nghiệp gồm: mua cổ phiếu, góp vốn liên doanh, góp cổ phần và các hình thức đầu tư khác... Doanh nghiệp được phép đưa vốn và tài sản đầu tư trực tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

1.2.1.3. Bảo toàn và phát triển vốn

Bảo toàn vốn và phát triển vốn là nghĩa vụ của doanh nghiệp để bảo vệ lợi ích của chủ sở hữu về vốn đã đầu tư vào doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và phát triển kinh doanh có hiệu quả, tăng thu nhập cho người lao động và làm nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Các biện pháp bảo toàn vốn thường được áp dụng là:

Thứ nhất, thực hiện đúng chế độ quản trị, sử dụng vốn, tài sản theo các qui định của Nhà nước;

Thứ hai, thực hiện việc mua bảo hiểm tài sản thuộc quyền quản trị và sử dụng của doanh nghiệp. Tiền mua bảo hiểm được hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp;

Thứ ba, doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí kinh doanh, chi phí hoạt động khác một số khoản dự phòng theo quy định như: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng các khoản nợ thu khó đòi, dự phòng giảm giá các loại chứng khoán trong hoạt động tài chính...

Việc lập và sử dụng các khoản dự phòng nói trên thực hiện theo quy định hiện hành. Ngoài các biện pháp trên, doanh nghiệp được dùng lãi năm sau (trước thuế hoặc sau thuế) để bù lỗ các năm trước, được hạch toán một số thiệt hại (thiên tai, dịch bệnh,...) vào chi phí hoặc kết quả kinh doanh theo qui định của Nhà nước.

1.2.1.4. Quản trị nguồn vốn và tài sản trong phạm vi ngoài doanh nghiệp

Vì vậy để thực hiện chức năng quản trị đối với hoạt động của các doanh nghiệp thì cần thiết phải thực hiện hoạt động giám sát. Giám sát sử dụng vốn là một nội dung quan trọng của hoạt động giám sát tài chính - một bộ phận của giám sát doanh nghiệp, đó là việc theo dõi kiểm tra của chủ thể quản trị đối với khách thể quản trị nhằm hướng các hoạt động của khách thể quản trị theo đúng mục tiêu mà chủ thể quản trị đã lựa chọn, phù hợp với quy chế pháp luật hiện hành. Giám sát sử dụng vốn vừa là yêu

cầu khách quan, vừa xuất phát từ chức năng quản trị nhà nước với doanh nghiệp, vừa do yêu cầu bảo vệ lợi ích của nhà nước với tư cách là chủ sở hữu.

Các hình thức giám sát doanh nghiệp bao gồm:

Thứ nhất, giám sát từ bên trong: là giám sát nội bộ do các tổ chức của doanh nghiệp như kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, thanh tra nhân dân và do doanh nghiệp tự tổ chức thực hiện.

Thứ hai, giám sát từ bên ngoài: là giám sát do cơ quan chức năng của nhà nước hoặc các tổ chức cá nhân bên ngoài doanh nghiệp tổ chức thực hiện. Việc giám sát bên ngoài doanh nghiệp được thực hiện dưới hai hình thức:

- Giám sát gián tiếp: là theo dõi và kiểm tra từ xa thông qua báo cáo tài chính, thống kê và chế độ báo cáo khác do các cơ quan chức năng của nhà nước quy định, thông qua báo cáo công khai tình hình tài chính tại thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

- Giám sát trực tiếp: được thực hiện bằng các hoạt động kiểm tra, thanh tra, khảo sát nắm tình hình trực tiếp tại doanh nghiệp.

Ngoài ra, còn có thể giám sát trước, trong quá trình thực hiện và sau khi thực hiện:

- Giám sát trước khi thực hiện là việc kiểm tra tính khả thi của các dự án như kế hoạch ngắn hạn hoặc dài hạn; dự án đầu tư sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, dự án huy động vốn...

- Giám sát trong quá trình thực hiện là theo dõi, kiểm tra hoặc thanh tra tính hiệu lực của các quy định pháp luật, nguyên tắc quản trị điều hành của doanh nghiệp và hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp.

- Giám sát sau khi thực hiện là việc theo dõi, kiểm tra, thanh tra các kết quả hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở các báo cáo kết quả hoặc quyết toán định kỳ và giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, quyết định của chủ sở hữu hoặc điều lệ doanh nghiệp.

1.2.2. Quản trị doanh thu

Doanh thu của doanh nghiệp là toàn bộ số tiền thu được từ tất cả các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, bao gồm: doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, doanh thu từ các hoạt động tài chính và doanh thu từ hoạt động

khác. Doanh thu là một chỉ tiêu quan trọng về hoạt động của doanh nghiệp, có doanh thu chứng tỏ

hàng hoá của doanh nghiệp được xã hội chấp nhận. Khi có doanh thu, vòng tuần hoàn vốn kết thúc, tạo tiền đề cho vòng tuần hoàn tiếp theo trong quá trình tái sản xuất. Doanh thu là nguồn quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động, là nguồn để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và các đối tượng có liên quan. Từ đó các doanh nghiệp cần phải phấn đấu để quản trị doanh thu một cách hợp lý nhằm tăng doanh thu. Muốn vậy, doanh nghiệp cần áp dụng các biện pháp:

- Chú ý đến chất lượng sản phẩm vì chất lượng sản phẩm luôn gắn liền với uy tín của DN trong giới kinh doanh và trong công chúng. Doanh nghiệp cũng cần mở rộng các hoạt động tiếp thị nhằm tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.

- Xác định một mức giá bán hợp lý. Việc sản xuất kinh doanh giá hết sức mềm dẻo, linh hoạt để tác động vào cầu, kích thích tăng cầu của người tiêu dùng để tăng doanh thu tiêu thụ.

1.2.3. Quản trị chi phí

Chi phí kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về vật chất và lao động do doanh nghiệp bỏ ra để tiến hành kinh doanh trong một thời kỳ nhất định. Bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định;

- Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;

- Kinh phí bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà công ty phải nộp theo quy định;

- Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh;

- Chi phí bằng tiền khác gồm:

+ Các khoản thuế tài nguyên, thuế đất, thuế môn bài;

+ Tiền thuê đất;

+ Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động;

+ Đào tạo nâng cao năng lực quản trị, tay nghề của người lao động;

+ Chi cho công tác y tế;

+ Chi nghiên cứu khoa học, nghiên cứu đổi mới công nghệ;

+ Thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Tổng giám đốc, Giám đốc công ty quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm.

+ Chi phí cho lao động nữ;

+ Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường;

+ Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại công ty (phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định);

+ Các khoản chi phí bằng tiền khác.

Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu lập kế hoạch chi phí, kiểm soát và chủ động điều tiết chi phí, phân tích chi phí, quản trị chi phí nhằm ra quyết định kinh doanh nhanh chóng và hiệu quả, các doanh nghiệp thường phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động, theo tiêu thức này, chi phí được chia thành chi phí biến đổi, chi phí cố định và chi phí hỗn hợp.

Chi phí biến đổi là những chi phí mà tổng của nó thay đổi khi khối lượng hoạt động thay đổi. Chi phí biến đổi có 2 loại là chi phí biến đổi tỷ lệ và chi phí biến đổi bậc thang. Chi phí biến đổi tỷ lệ là những chi phí thay đổi tỷ lệ thuận với khối lượng hoạt động. Khi khối lượng hoạt động tăng lên 1 đơn vị thì chi phí biến đổi cũng tăng lên tương ứng. Các chi phí này thường là chi phí vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp tính theo đơn vị sản phẩm... Khi tính cho 1 đơn vị khối lượng hoạt động thì chi phí biến đổi là không đổi. Chi phí biến đổi bậc thang là những chi phí chỉ thay đổi khi khối lượng hoạt động thay đổi đến một phạm vi nhất định, chẳng hạn, chi phí nhân công hỗ trợ sản xuất, chi phí công cụ, dụng cụ... Các chi phí này không thay đổi khi khối lượng hoạt động tăng lên 1 đơn vị mà chỉ thay đổi khi khối lượng hoạt động tăng lên đến một mức nào đó. Giả sử, mỗi công nhân phụ phục vụ cho 3 công nhân sản xuất thì khi số lượng công nhân sản xuất vượt quá 3 người mới cần có thêm 1 công nhân phụ.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Chi phí cố định là những chi phí mà tổng của nó không thay đổi khi khối lượng hoạt động thay đổi trong phạm vi phù hợp. Phạm vi phù hợp là phạm vi nằm trong giới hạn công suất của máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà xưởng...

Việc phân loại là chi phí biến đổi hay cố định phụ thuộc vào cơ sở hoạt động được lựa chọn. Trong thực tế, không phải khi nào cũng có thể xác định được các chi phí biến đổi và chi phí cố định. Một số loại chi phí có thể bao gồm chi phí cố định và chi phí biến đổi. Khi đó, có thể sử dụng các phương pháp phân tích chi phí để tách riêng chi phí hỗn hợp thành chi phí biến đổi và chi phí cố định. Các phương pháp được sử dụng để tách chi phí hỗn hợp thành chi phí cố định và chi phí biến đổi thường bao gồm: phương pháp cực đại – cực tiểu, phương pháp đồ thị phân tán và phương pháp bình phương bé nhất.

1.2.4. Quản trị lợi nhuận

Lợi nhuận của doanh nghiệp là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp. Nó là khoản chênh lệch bằng tiền giữa doanh thu và chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để đạt được khoản thu đó trong một thời kỳ nhất định. Lợi nhuận của doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận từ kinh doanh các loại vật tư ngành in, hoạt động đầu tư và lợi nhuận từ các hoạt động khác. Lợi nhuận là đòn bẩy kinh tế quan trọng, đồng thời là một chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nó tác động đến tất cả các mặt hoạt động của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của doanh nghiệp và nguồn tích luỹ cơ bản để mở rộng sản xuất, tăng thêm nhu cầu phúc lợi cho doanh nghiệp và xã hội.

Việc phấn đấu tăng lợi nhuận và tăng tỷ suất lợi nhuận là nhiệm vụ thường xuyên của doanh nghiệp. Vì vậy, doanh nghiệp cần tích cực áp dụng các biện pháp để quản trị lợi nhuận của doanh nghiệp, đó là:

- Lập kế hoạch gia tăng lợi nhuận bằng cách tăng doanh thu và giảm chi phí

- Lập kế hoạch phân phối lợi nhuận theo đúng quy định của nhà nước và đảm bảo nguồn lợi nhuận nhằm tái đầu tư cho kinh doanh các loại vật tư ngành in.

Lợi nhuận thực hiện của công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo quy định như sau:

a. Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có);

b.Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;

c.Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ thì không trích nữa;

d.Trích lập các quỹ đặc biệt từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ đã được nhà nước quy định đối với công ty đặc thù mà pháp luật quy định phải trích lập.

đ. Số còn lại sau khi lập các quỹ được phân phối theo tỷ lệ giữa vốn đầu tư tại công ty và vốn công ty tự huy động bình quân trong năm.

Quản trị tốt các quỹ nhằm sử dụng đúng mục đích theo quy định: Mục đích sử dụng các quỹ như sau:

+ Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

+ Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho công ty.

+ Quỹ khen thưởng được dùng để:

Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong công ty nhà nước;

Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong công ty nhà nước;

Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài công ty nhà nước có đóng góp nhiều cho kinh doanh các loại vật tư ngành in, công tác quản trị của công ty.

Mức thưởng do Tổng giám đốc hoặc Giám đốc quyết định. Riêng điểm a cần có ý kiến của Công đoàn công ty trước khi quyết định.

+ Quỹ phúc lợi được dùng để:

Đầu tư sản xuất kinh doanh hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của công ty;

Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên công ty, phúc lợi xã hội;

Góp một phần vốn để đầu tư sản xuất kinh doanh các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc (đối với công ty không có Hội đồng quản trị) quyết định sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn công ty.

+ Quỹ thưởng Ban điều hành công ty được sử dụng để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty. Mức thưởng do đại diện chủ sở hữu quyết định gắn với hiệu quả kinh doanh của công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty đối với công ty không có Hội đồng quản trị.

Kiểm tra giám sát việc thực hiện kế hoạch

Việc kiểm tra, giám sát thực hiện theo các kế hoạch là điều quan trọng và cần thiết để bổ sung và hoàn thiện công tác quản trị lợi nhuận trong doanh nghiệp. Trong quá trình quản trị cũng như công tác kiểm tra giám sát doanh nghiệp, tiêu chí thường được sử dụng đó là:

** Tỷ suất lợi nhuận trên vốn*

Đây là quan hệ tỷ lệ giữa số lợi nhuận đạt được với số vốn đã chi ra bao gồm các vốn cố định và vốn lưu động.

Công thức tính như sau:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận}}{\text{Tổng vốn}}$$

Tổng số vốn bao gồm vốn cố định và vốn lưu động đã chi ra (trong đó vốn cố định là nguyên giá tài sản cố định trừ đi số đã khấu hao và vốn lưu động là vốn dự trữ sản xuất, vốn thành phẩm dở dang, vốn thành phẩm).

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn cho thấy hiệu quả sử dụng một đồng vốn sản xuất tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ doanh nghiệp đã thực hiện tốt công tác quản trị lợi nhuận và vốn .

** Tỷ suất lợi nhuận theo doanh thu bán hàng :*

Là một chỉ số phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp, biểu hiện quan hệ giữa tỷ lệ lợi nhuận tiêu thụ và doanh thu bán hàng.

$$\text{Tỷ suất doanh lợi} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận}}{\qquad\qquad}$$

Tổng doanh thu tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ

Công thức cho thấy hiệu quả của một đồng doanh thu thì tạo ra được bao nhiêu

đồng lợi nhuận.

Ngoài ra, để Quản trị lợi nhuận tốt thì doanh nghiệp cũng cần phải Quản trị chi phí, doanh thu tốt để từ đó Ban lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định đúng đắn, mang lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp. Để phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng và lợi nhuận, kế toán sử dụng một số chỉ tiêu cơ bản sau:

- Điểm hòa vốn: Điểm hòa vốn là điểm tại đó lợi nhuận bằng không, hay tại đó tổng doanh thu bằng tổng chi phí, tức là điểm mà tại đó doanh thu tiêu thụ vừa đủ bù đắp các chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh đã bỏ ra. Doanh nghiệp sẽ có lãi khi hoạt động vượt điểm hòa vốn và sẽ lỗ nếu hoạt động dưới điểm hòa vốn. Điểm hòa vốn không phải là mục tiêu hoạt động của DN nhưng phân tích điểm hòa vốn, xác định doanh thu, sản lượng và thời gian để hòa vốn có ý nghĩa quan trọng với DN. Căn cứ vào điểm hòa vốn, DN biết sẽ tránh lỗ và cung cấp các thông tin hữu ích trong việc ứng xử chi phí tại các mức tiêu thụ khác nhau nhằm khai thác tối đa các yếu tố sản xuất DN, đồng thời giúp các nhà quản trị DN sản xuất kinh doanh kế hoạch kinh doanh cũng như đưa ra các quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn.

Nói cách khác, phân tích điểm hoà vốn giúp các nhà quản trị DN biết được mức sản xuất và tiêu thụ là bao nhiêu thì hoà vốn hoặc giá bán bao nhiêu thì không bị lỗ. Từ đó, các nhà quản trị có thể lựa chọn những phương án sản xuất kinh doanh khác nhau nhằm gia tăng lợi nhuận cho DN.

- Số dư đảm phí: Số dư đảm phí còn có gọi là lãi trên biến phí. Đây là số chênh lệch giữa doanh thu với chi phí khả biến. Số dư đảm phí sau khi đã bù đắp chi phí bất biến chính là lợi nhuận. Số dư đảm phí có thể tính cho tất cả các loại sản phẩm, một loại sản phẩm và một đơn vị sản phẩm. Thông qua khái niệm số dư đảm phí, có thể thấy được mối quan hệ giữa sản lượng và lợi nhuận, đó là: Sau điểm hoà vốn, nếu sản lượng tăng lên thì lợi nhuận tăng một lượng bằng sản lượng tăng lên nhân số số dư đảm phí đơn vị. Số dư đảm phí được tính theo công thức:

Số dư đảm phí = Doanh thu - Tổng chi phí biến đổi

- Tỷ lệ số dư đảm phí: Là tỷ lệ phần trăm giữa số dư đảm phí và doanh thu tiêu thụ sản phẩm. Tỷ lệ số dư đảm phí cho biết khi doanh thu tăng lên 100 đồng thì trong mức tăng đó bao nhiêu đồng thuộc về số dư đảm phí. Thông qua khái niệm về tỷ lệ số dư đảm phí rút ra mối quan hệ giữa doanh thu và lợi nhuận, có thể mối quan hệ đó là:

Sau điểm hoà vốn, nếu doanh thu tăng lên thì lợi nhuận tăng một lượng bằng doanh thu tăng lên nhân tỷ lệ số dư đảm phí. Với những DN có nhiều dây chuyền sản xuất, sản xuất nhiều loại sản phẩm và các điều kiện sản xuất đều như nhau thì việc sử dụng tỷ lệ số dư đảm phí cho phép người quản lý xác định khả năng sinh lợi của từng loại sản phẩm. Tỷ lệ số dư đảm phí được tính theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ số dư đảm phí} = \frac{\text{Số dư đảm phí}}{} \times 100\%$$

- Đòn bẩy kinh doanh: Là phản ánh chỉ tiêu mức độ sử dụng chi phí cố định của DN. DN nào có cơ cấu chi phí với phần chi phí cố định cao hơn thì DN đó được gọi là có đòn bẩy lớn hơn và ngược lại. Đòn bẩy kinh doanh thường được tính theo công thức:

$$\text{Độ lớn đòn bẩy kinh doanh} = \frac{\text{Tốc độ tăng, giảm lợi nhuận}}{\text{Tốc độ tăng, giảm doanh thu}} = \frac{\text{Số dư đảm phí}}{\text{Lợi nhuận thuần}}$$

1.2.5. Quản trị khả năng thanh toán

* *Khả năng thanh toán trong ngắn hạn*:

Đánh giá tài sản doanh nghiệp có đủ trang trải các khoản nợ trong ngắn hạn không

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Hệ số thanh toán ngắn hạn hay còn gọi là hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là chỉ tiêu cho biết mỗi đồng nợ ngắn hạn sẽ được bù đắp bằng bao nhiêu đồng tài sản ngắn hạn. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn là công cụ đo lường khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp với số tài sản ngắn hạn mà doanh nghiệp hiện có. Hệ số thanh toán ngắn hạn này thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản ngắn hạn với nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán ngắn hạn là chỉ tiêu phản ánh một cách tổng quát nhất khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cho doanh nghiệp.

$$\text{Hệ số thanh toán ngắn hạn} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

- Hệ số thanh toán nhanh: Hệ số thanh toán nhanh (hệ số thanh toán tức thời) là thước đo nhằm định lượng chính xác tiềm năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn, hoạt động bằng con đường thông qua chuyển hóa tài sản ngắn hạn sang tiền mặt

mà không hao hụt đến lượng hàng tồn kho qua đó phản ánh về năng lực về tài chính của doanh nghiệp. Để tính toán hệ số thanh toán nhanh công ty dựa vào công thức sau:

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Giá trị tài sản lưu động} - \text{Giá trị hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

- Vốn luân chuyển = Tài sản ngắn hạn - Nợ ngắn hạn

Vốn luân chuyển phản ánh phần tài sản ngắn hạn được tài trợ từ nguồn vốn cơ bản, lâu dài không đòi hỏi phải chi trả trong thời gian ngắn, vốn luân chuyển càng lớn phản ánh khả năng chi trả càng cao đối với nợ ngắn hạn khi đến hạn trả.

- Hệ số thanh toán hiện hành (K):

Hệ số này đo lường khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của một công ty khi đến hạn trả. Nó thể hiện mức độ đảm bảo của tài sản lưu động đối với nợ ngắn hạn mà không cần tới một khoản vay mượn thêm. Để tính toán hệ số thanh toán hiện hành công ty dựa vào công thức sau:

$$\text{Hệ số thanh toán hiện hành (K)} = \frac{\text{Tài sản lưu động}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

** Khả năng thanh toán trong dài hạn:*

- Hệ số thanh toán lãi vay: Hệ số khả năng thanh toán lãi vay cho biết mức độ lợi nhuận đảm bảo khả năng trả lãi như thế nào. Nếu công ty quá yếu về mặt này, các chủ nợ có thể đi đến gây sức ép lên công ty, thậm chí dẫn tới phá sản công ty. Việc tìm xem một công ty có thể thực hiện trả lãi đến mức độ nào cũng rất quan trọng. Rõ ràng, khả năng thanh toán lãi vay càng cao thì khả năng thanh toán lãi của doanh nghiệp cho các chủ nợ của mình càng lớn. Để tính toán hệ số thanh toán lãi vay công ty dựa vào công thức sau:

$$\text{Hệ số thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận từ SXKD}}{\text{Lãi nợ vay}}$$

- Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu: Tỷ lệ này phản ánh cứ 1 đồng nợ vay được đảm bảo

bằng bao nhiêu đồng VCSH. Các nhà cho vay dài hạn quan tâm đến khả năng sinh lãi, mặt khác họ chú trọng đến sự cân bằng hợp lý giữa nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

hữu, bởi vì điều này ảnh hưởng đến sự đảm bảo các khoản tín dụng của người cho vay. Tỷ lệ này được công ty tính toán như sau:

$$\text{Tỷ lệ nợ trênvốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}}$$

1.2.6. Công tác kiểm tra, giám sát về Quản trị tài chính

Qua công tác kiểm tra, giám sát về Quản trị tài chính giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước, chủ sở hữu vốn, chủ thể quản lý DN cảnh báo và đề ra biện pháp quản lý hữu hiệu đối với DN. Giám sát tài chính là việc theo dõi, kiểm tra, thanh tra, đánh giá các vấn đề về tài chính, chấp hành chính sách pháp luật về tài chính của DN. Như vậy, giám sát tài chính được xem là một trong những biện pháp quản lý, trong đó, chủ sở hữu thông qua các hình thức, phương thức và các chỉ tiêu giám sát để thực hiện việc giám sát tài chính của mình đối với các hoạt động của DN, nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động và phát hiện những rủi ro để cảnh báo cho công tác quản lý điều hành. Trên thực tế, có nhiều cách nhìn về phương thức kiểm tra, giám sát tài chính nhưng chủ yếu được nhìn nhận theo phương thức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện và giám sát thông qua kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện.

Thứ nhất, giám sát quá trình thực hiện. Việc giám sát được thực hiện bằng phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau. Trong đó, tập trung việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý tài chính của DN và có cảnh báo, giải pháp xử lý.

Thứ hai, giám sát tài chính thông qua kiểm tra, thanh tra thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về kiểm tra, thanh tra. Đối với những DN hoạt động không có hiệu quả, mất an toàn về tài chính thì DN đó cần phải giám sát tài chính đặc biệt. Hiện nay, công tác giám sát tài chính của cơ quan quản lý nhà nước và chủ sở hữu vốn tại các DN chủ yếu là phương thức giám sát gián tiếp mà cụ thể là giám sát sau quá trình hoạt động.

Tóm lại, thông qua kết quả kiểm tra, giám sát về Quản trị tài chính, cơ quan đại diện chủ sở hữu DN bao quát được kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, tình hình thực hiện nhiệm vụ, công tác tổ chức, quản lý và việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật của DN. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát tài chính để phát hiện những

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

tồn tại, thiếu sót, khó khăn, vướng mắc và bất cập trong công tác quản lý, quản trị DN, điều hành tổ chức sản xuất, kinh doanh, việc quản lý, huy động, sử dụng vốn, tài sản, đặc biệt là đưa ra số liệu cụ thể và chỉ ra các dấu hiệu mất an toàn hoặc tiềm ẩn mất an toàn về tài chính có nguy cơ tổn thất, mất vốn; các dự án đầu tư không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp; các khoản đầu tư ra ngoài DN không mang lại lợi nhuận, khả năng thoái vốn khó khăn… Từ đó, đưa ra các cảnh báo đối với DN, đồng thời kiến nghị với cơ quan đại diện chủ sở hữu đề ra những chủ trương, biện pháp, giải pháp chỉ đạo DN, người đại diện vốn nhà nước tại DN kịp thời chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh [8].

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác Quản trị tài chính trong doanh nghiệp

1.3.1. Các yếu tố bên trong

Theo quy định hiện hành, ở nước ta hiện có các loại hình thức doanh nghiệp sau:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Công ty cổ phần.
- Doanh nghiệp nhà nước.
- Doanh nghiệp tư nhân.
- Công ty hợp danh.
- Nhóm công ty.

Những đặc điểm riêng về hình thức pháp lý tổ chức doanh nghiệp giữa các doanh nghiệp trên có ảnh hưởng đến quản trị tài chính doanh nghiệp như việc tổ chức, huy động vốn, sản xuất kinh doanh, việc phân phối lợi nhuận.

1.3.2. Các yếu tố bên ngoài

** Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành kinh doanh*

Đặc điểm kinh tế và kỹ thuật của ngành kinh doanh có ảnh hưởng không nhỏ tới quản trị tài chính doanh nghiệp. Mỗi ngành kinh doanh có những đặc điểm về mặt kinh tế và kỹ thuật khác nhau. Những ảnh hưởng đó thể hiện:

- Ảnh hưởng của tính chất ngành kinh doanh

Ảnh hưởng này thể hiện trong thành phần và cơ cấu vốn kinh doanh của doanh nghiệp, ảnh hưởng tới quy mô của vốn sản xuất kinh doanh, cũng như tỷ lệ thích ứng để hình thành và sử dụng chúng, do đó ảnh hưởng tới tốc độ luân chuyển vốn (vốn cố định và vốn lưu động) ảnh hưởng tới phương pháp đầu tư, thể thức thanh toán chi trả.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

- Ảnh hưởng của tính thời vụ và chu kỳ sản xuất kinh doanh

Tính thời vụ và chu kỳ sản xuất có ảnh hưởng trước hết đến nhu cầu vốn sử dụng và doanh thu tiêu thụ sản phẩm. Những doanh nghiệp sản xuất có chu kỳ ngắn thì nhu cầu vốn lưu động giữa các thời kỳ trong năm thường không có biến động lớn, doanh nghiệp cũng thường xuyên thu được tiền bán hàng, điều đó giúp cho doanh nghiệp dễ dàng đảm bảo sự cân đối giữa thu và chi bằng tiền; cũng như trong việc tổ chức đảm bảo nguồn vốn cho nhu cầu kinh doanh. Những doanh nghiệp sản xuất ra những loại sản phẩm có chu kỳ sản xuất dài, phải ứng ra một lượng vốn lưu động tương đối lớn, doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất có tính chất thời vụ, thì nhu cầu vốn lưu động giữa các quý trong năm thường có sự biến động lớn, tiền thu về bán hàng cũng không được đều, tình hình thanh toán, chi trả, cũng thường gặp những khó khăn. Cho nên việc tổ chức đảm bảo nguồn vốn cũng như đảm bảo sự cân đối giữa thu và chi bằng tiền của doanh nghiệp cũng khó khăn hơn.

** Môi trường kinh doanh*

Bất cứ một doanh nghiệp nào cũng hoạt động trong một môi trường kinh doanh nhất định. Môi trường kinh doanh bao gồm tất những điều kiện bên ngoài ảnh hưởng mọi hoạt động của doanh nghiệp. Môi trường kinh doanh có tác động mạnh mẽ đến mọi hoạt động của doanh nghiệp trong đó có hoạt động tài chính.

Dưới đây chủ yếu xem xét tác động của môi trường kinh doanh đến các hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp:

- Sự ổn định của nền kinh tế*:* Sự ổn định hay không ổn định của nền kinh tế, của thị trường có ảnh hưởng trực tiếp tới mức doanh thu của doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng tới nhu cầu về vốn của doanh nghiệp. Những biến động của nền kinh tế có thể gây nên những rủi ro trong kinh doanh mà các nhà quản trị tài chính phải lường trước, những rủi ro đó có ảnh hưởng tới các khoản chi phí về đầu tư, chi phí trả lãi hay tiền thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị hay nguồn tài trợ cho việc mở rộng sản xuất hay việc tăng tài sản.

- Ảnh hưởng về giá cả thị trường, lãi suất và tiền thuế*:* Giá cả thị trường, giá cả sản phẩm mà doanh nghiệp tiêu thụ có ảnh hưởng lớn tới doanh thu, do đó cũng có ảnh hưởng lớn tới khả năng tìm kiếm lợi nhuận. Cơ cấu tài chính của doanh nghiệp cũng được phản ảnh nếu có sự thay đổi về giá cả.

Sự tăng, giảm lãi suất cũng ảnh hưởng tới sự chi phí tài chính và sự hấp dẫn của các hình thức tài trợ khác nhau. Mức lãi suất cũng là một yếu tố đo lường khả năng huy đông vốn vay. Sự tăng hay giảm thuế cũng ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình kinh doanh, tới khả năng tiếp tục đầu tư hay rút khỏi đầu tư.

Tất cả các yếu tố trên có thể được các nhà quản trị tài chính sử dụng để phân tích các hình thức tài trợ và xác định thời gian tìm kiếm các nguồn vốn trên thị trường tài chính.

- Sự cạnh tranh trên thị trường và sự tiến bộ kỹ thuật, công nghệ: sự cạnh tranh sản phẩm đang sản suất và các sản phẩm tương lai giữa các doanh nghiệp có ảnh hưởng lớn đến kinh tế, tài chính của doanh nghiệp và có liên quan chặt chẽ đến khả năng tài trợ để doanh nghiệp tồn tại và tăng trưởng trong một nền kinh tế luôn luôn biến đổi và người giám đốc tài chính phải chịu trách nhiệm về việc cho doanh nghiệp hoạt động khi cần thiết. Cũng tương tự như vậy, sự tiến bộ kỹ thuật và công nghệ đòi hỏi doanh nghiệp phải ra sức cải tiến kỹ thuật, quản lý, xem xét và đánh giá lại toàn bộ tình hình tài chính, khả năng thích ứng với thị trường, từ đó đề ra những chính sách thích hợp cho doanh nghiệp.

Tiểu kết Chương 1

Chương 1 tác giả trình bày cơ sở lý luận về Quản trị tài chính trong doanh nghiệp, gồm các nội dung sau:

- Một số khái niệm cơ bản: Tài chính doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp và Quản trị tài chính.

- Ý nghĩa Quản trị tài chính trong doanh nghiệp: Ý nghĩa đối với nhà quản trị doanh nghiệp, với nhà đầu tư, nhà cho vay và với các cơ quan nhà nước cũng như người lao động.

- Mục tiêu của Quản trị tài chính trong doanh nghiệp, các nguyên tắc Quản trị tài chính.

- Và phần quan trọng nhất trong chương 1 chính là nội dung Quản trị tài chính đó là:

+ Quản trị nguồn vốn sản xuất kinh doanh

+ Quản trị doanh thu

+ Quản trị chi phí

+ Quản trị lợi nhuận

+ Quản trị khả năng thanh toán

+ Công tác kiểm tra, giám sát về tài chính

Các nội dung lý luận trình bày ở chương 1 sẽ là tiền đề để tác giả làm căn cứ để tiến hành nghiên cứu trong chương 2.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VÀ THƯƠNG MẠI THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

2.1. Giới thiệu chung về Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam (tên viết tắt: VinaDataxa) là doanh nghiệp nhà nước hoạt động dưới mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 100% vốn nhà nước, do Thông tấn xã Việt Nam là đại diện chủ sở hữu, sản xuất kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp in và kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư ngành in. Lĩnh vực công nghiệp in của công ty bao gồm in các bản tin phát hành hàng ngày, hàng tuần, các tạp chí và báo của ngành Thông tấn xã Việt Nam như bản tin Kinh tế, báo Tin tức, báo Thể thao & Văn hóa, bản tin Dân tộc & Miền núi và các báo tiếng nước ngoài như VietnamNews, Le Courrier du Vietnam…cùng với các ấn phẩm bên ngoài khác như tờ rơi, catalogue, bao bì sản phẩm, biểu mẫu các loại cũng như các sách, tranh ảnh khác ..vv... Lĩnh vực kinh doanh của công ty chủ yếu là xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị ngành in như giấy in, kẽm in, mực in .vv.. đáp ứng nhu cầu của thị trường [6].

Tiền thân của công ty là một xí nghiệp in nhỏ mang tên Xí nghiệp In 1 Thông tấn xã Việt Nam, được thành lập ngày 8/9/1982 với một số ít máy in thô sơ, đơn giản. Năm 2004, Xí nghiệp In 1 sáp nhập Công ty Tin học Thông tấn xã Việt Nam và được đổi tên thành Công ty In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam. Ngày 26/01/2011, Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam ban hành Quyết định số 44/QĐ-TTX chuyển đổi Công ty In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, 100% vốn nhà nước, do Thông tấn xã Việt Nam là đại diện chủ sở hữu.

Công ty hiện có trụ sở tại địa chỉ: số 70/342 đường Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Trải qua quá trình gần 40 năm xây dựng và phát triển, đến nay, công ty đã nhanh chóng lớn mạnh, trở thành địa chỉ tin cậy của các đơn hàng in và chế bản cao

cấp như: lịch treo tường, sách giáo khoa, sách ảnh nghệ thuật, tạp chí, catalog, brochue, bao bì,tem nhãn,... Đến nay, công ty đã được đầu tư hiện đại hóa toàn bộ thiết bị in và sau in. Cụ thể:

- Phân xưởng in Offset tờ rời được trang bị các máy in CD 102 5 màu, máy in CD 102 4 màu, máy in KBA Rapida 105, máy in Lithrone 40, máy in GS 28, máy in đảo trở 1/1 LC 40, máy in 1 màu Lithrone 20.
- Phân xưởng in Offset cuộn với các máy in cuộn V30, máy in cuộn Ghost hiện đại, công suất 45.000 tờ/giờ.
- Phòng chế bản CTP với các máy ghi kẽm Kodak TrendSetter 800III, hệ thống máy tráng đồng bộ Kodak
- Phân xưởng thành phẩm với các máy gấp và lồng sách tự động, máy vào bìa keo nhiệt,...

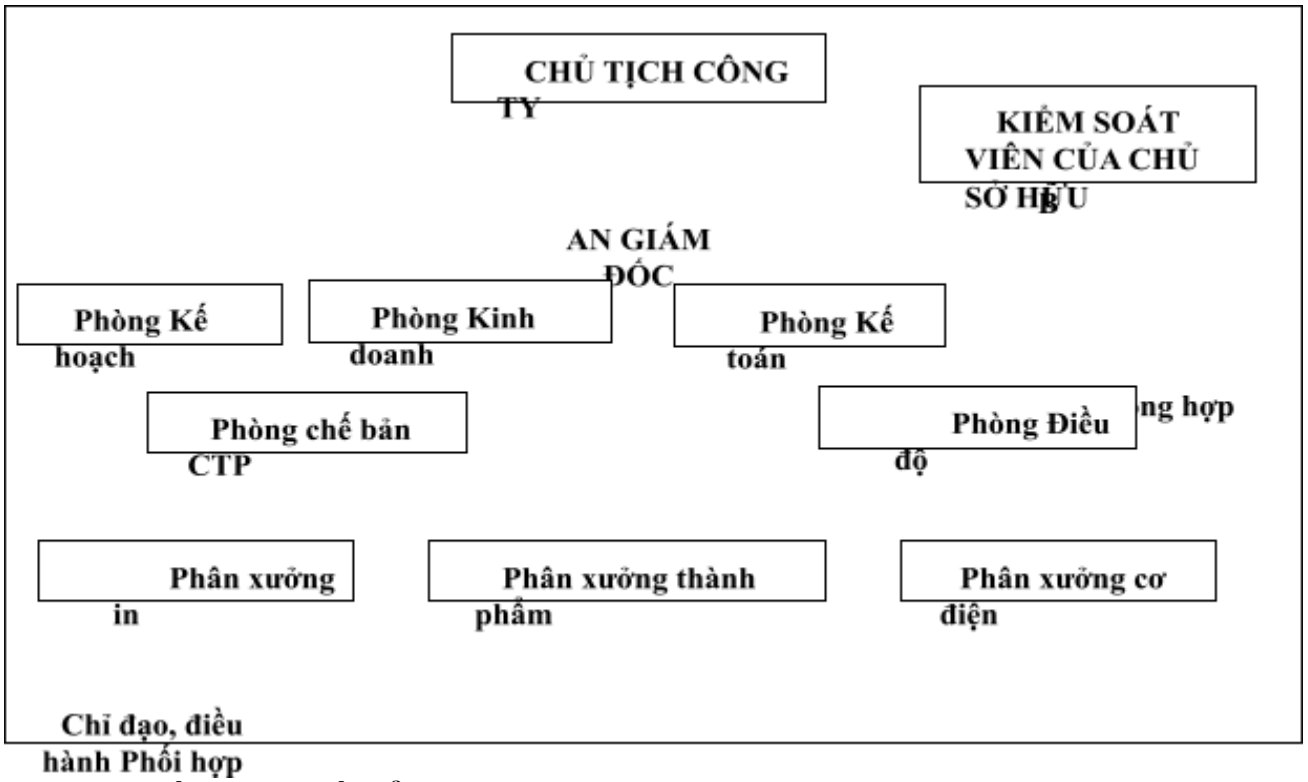
2.1.2. Bộ máy tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-TTX ngày 29/06/2015 của Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam. Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 100% vốn nhà nước, do Thông tấn xã Việt Nam là đại diện chủ sở hữu.

Công ty được quản lý theo mô hình: Chủ tịch công ty, Giám đốc và Kiểm soát viên. Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty. Chủ tịch công ty; Giám đốc, Phó giám đốc công ty; Kiểm soát viên; Kế toán trưởng công ty do Tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam bổ nhiệm.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Cơ cấu tổ chức của Công ty trách nhiệm hữu hạn
In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH In và Thương mại TTXVN

(Nguồn: Bộ phận Nhân sự, Phòng Tổng hợp - Công ty TNHH In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam)

2.2. Khái quát công tác quản trị tài chính của công ty

Trong công ty thì hoạt động tài chính thường gắn liền với một nhân sự cấp cao của công ty là giám đốc tài chính (CFO) và các nhân sự ở cấp thấp hơn, dưới giám đốc tài chính là phòng tài chính và phòng kế toán. Trong khi phòng kế toán chú trọng đến việc ghi chép và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập báo cáo tài chính thì phòng tài chính lại chú trọng đến việc sử dụng các báo cáo tài chính do phòng kế toán lập ra để phân tích và hoạch định xem chuyện gì sẽ xảy ra trong hoạt động tài chính của công ty. Mặt khác, kế toán chú trọng đến chức năng quản lý tài sản, trong khi tài chính chú trọng đến quyết định nên bỏ vốn vào đâu, tìm nguồn vốn ở đâu và phân phối lợi nhuận làm ra như thế nào, để duy trì và không ngừng nâng cao giá trị của doanh nghiệp trên thị trường.

Từ bảng cân đối kế toán có thể thấy, hoạt động tài chính công ty được thiết lập để trả lời những câu hỏi như:

- Doanh nghiệp cần bao nhiêu tiền để đầu tư vào máy móc, thiết bị và vật tư?
- Số tiền đó được huy động từ đâu và bằng cách nào?
- Số tiền đó sẽ được đầu tư và sử dụng như thế nào?
- Số tiền thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ được phân phối như thế nào? Tóm lại, hoạt động tài chính trong công ty liên quan đến ba quyết định chính đó là:

1. Quyết định đầu tư
2. Quyết định nguồn vốn
3. Quyết định phân phối lợi nhuận

Và mục tiêu chung để đưa ra các quyết định tài chính nêu trên có thể tóm lược trong một cụm từ đó là "Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp", nghĩa là các quyết định liên quan đến đầu tư, huy động vốn, và phân phối lợi nhuận phải dẫn đến kết quả là làm gia tăng giá trị tối đa phần vốn đầu tư của chủ sở hữu doanh nghiệp.

Công tác quản trị tài chính tại Công ty được thực hiện theo Điều lệ công ty, Quy chế tài chính của công ty, Quy chế quản lý nợ của công ty và các văn bản pháp luật có liên quan. Sự phân cấp quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ sau:

Bảng 2.1: Phân cấp quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

Nội dung	Thẩm quyền
1. Quản lý vốn và tài sản	
1.1. Bổ sung, tăng vốn điều lệ	Chủ sở hữu (TTXVN): sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.
1.2. Huy động vốn	Chủ sở hữu (TTXVN): với các phương án không quá 3 lần vốn chủ sở hữu.
	Chủ tịch công ty: với các phương án không quá 50% vốn điều lệ.
1.3. Đầu tư, xây dựng, mua sắm TSCĐ	Chủ sở hữu (TTXVN): với các dự án đầu tư có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc dự án nhóm B theo Luật Đầu tư công.
	Chủ tịch công ty: với các dự án đầu tư có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu hoặc dự án nhóm C theo Luật Đầu tư công.
1.4. Cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản	Chủ sở hữu (TTXVN): với các hợp đồng cho thuê có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc dự án nhóm B theo Luật Đầu

	tư công.
	Chủ tịch công ty: với các hợp đồng cho thuê có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu hoặc dự án nhóm C theo Luật Đầu tư công.

Nội dung	Thẩm quyền
1.5. Thanh lý, nhượng bán tài sản	Chủ sở hữu (TTXVN): với các phương án xử lý tài sản có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc dự án nhóm B theo Luật Đầu tư công.
	Chủ tịch công ty: với các phương án xử lý tài sản có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu hoặc dự án nhóm C theo Luật Đầu tư công.
1.6. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp	Chủ sở hữu (TTXVN): quyết định, phê duyệt chủ trương.
	Chủ tịch công ty: thực hiện theo quyết định, chủ trương đã được chủ sở hữu phê duyệt.

(Nguồn: Điều lệ hoạt động - Công ty TNHH In và Thương mại TTXVN)

2.3. Thực trạng công tác quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

2.3.1. Quản trị nguồn vốn của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

Thực trạng về cơ cấu vốn trong Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam và được thể hiện cụ thể thông qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.2: Sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty qua các năm

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm			So sánh 2019/2018		So sánh 2020/2019	
	2018	2019	2020	Giá trị	(%)	Giá trị	(%)
Vốn chủ sở hữu	830,88	1.029,60	1.095,49	198,72	23,92	65,89	6,40

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Từ bảng số liệu trên ta thấy, nhìn chung vốn chủ sở hữu của công ty có sự gia tăng qua các năm từ năm 2018 đến năm 2020. Trong đó, tăng nhanh nhất là giai đoạn 2018-2019: tăng 23,92% từ 830,88 tỷ đồng vào năm 2018 lên tới 1.029,6 tỷ đồng vào năm 2019. Các giai đoạn khác có tăng song tốc độ tăng không lớn, khoảng 6,4% đến 8%.

Vốn chủ sở hữu của công ty gia tăng trong giai đoạn 2018-2020 là do bổ sung

tăng hàng năm từ lợi nhuận của công ty, do đó vốn chủ sở hữu của công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đã tăng từ 830,88 tỷ năm 2018 lên đến 1.095,49 tỷ trong năm 2020.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

2.3.1.1. Quản trị vốn cố định: Mỗi tài sản cố định của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam được quản trị theo nguyên giá, số hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại trên sổ sách kế toán. Từ đó cho thấy, việc đầu tư vào TSCĐ của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam trong thời gian qua đang phát triển theo hướng đầu tư vào những TSCĐ có giá trị lớn hơn. Điều này cũng đồng nghĩa với việc chính sách quản trị tài sản cố định của Công ty đang đạt được những thành tựu đáng kể trong việc tập trung nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho quá trình kinh doanh . Trong những năm qua, công ty đã biết tận dụng giá trị sử dụng của TSCĐ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh . Điều này chứng minh sự quản trị hiệu quả, tiết kiệm của công ty đối với tài sản cố định.

Chi tiết tình hình tài sản cố định của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2.3: Tài sản cố định hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam từ năm 2018 đến năm 2020

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm		
	2018	2019	2020
Tài sản cố định hữu hình	688.099.213.860	672.943.213.818	683.707.213.777
Nguyên giá	747.000.001.494	753.000.001.494	786.500.001.494
Giá trị hao mòn	(58.900.787.634)	(80.056.787.676)	(102.792.787.717)

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Từ bảng số liệu trên cho thấy tài sản cố định của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam có sự tăng lên rõ rệt, từ 747.000.001.494 đồng năm 2018 lên 753.000.001.494 đồng năm 2019 và tiếp tục tăng đạt mức 786.500.001.494 đồng vào năm 2020.

Sự tăng lên của tài sản cố định hàng năm chứng tỏ công ty rất chú trọng đầu tư, đổi mới và nâng cấp tài sản cố định ở từng bộ phận. Mỗi năm công ty đều dành một khoản tiền thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh, từ khấu hao tài sản cố định để tái đầu tư, đổi mới trang thiết bị máy móc, để phù hợp với quy trình sản xuất kinh

doanh của mình. Mặt khác, từ số liệu về giá trị khấu hao tài sản cố định, ta dễ dàng

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

thấy được sự tăng lên qua các năm. Từ 58.900.787.634 đồng năm 2018, giá trị khấu hao tài sản cố định của công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đã tăng nhanh lên mức 102.792.787.717 đồng vào năm 2020.

Để đánh giá định lượng hiệu quả của công tác quản trị TSCĐ của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, ta sử dụng hệ thống các chỉ tiêu sau:

Bảng 2.4: Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản trị TSCĐ qua các năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm		
		2018	2019	2020
Vốn cố định bình quân	Đồng	698.557.213.881	680.521.213.839	678.325.213.798
Nguyên giá TSCĐ bình quân	Đồng	747.000.001.494	750.000.001.494	769.750.001.494
Doanh thu thuần SXKD	Đồng	305.600.305.600	350.600.701.200	423.600.847.200
Hiệu suất sử dụng TSCĐ	Lần	0.41	0.47	0.55
Hiệu suất dụng vốn cố định	Lần	0.44	0.52	0.62

(Nguồn: Phòng Kế toán của công ty)

+ Xét về hiệu suất sử dụng tài sản cố định:

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định năm 2018 là 0.41 chứng tỏ một đồng giá trị máy móc thiết bị tạo ra 0.41 đồng doanh thu thuần.

Hiệu suất sử dụng tài sản cố định năm 2020 là 0.55 cho biết một đồng giá trị máy móc thiết bị tạo ra được 0.55 đồng doanh thu thuần.

Nhìn vào bảng so sánh ta thấy, hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam tăng lên qua các năm chứng tỏ với một đồng máy móc thiết bị, hàng năm, số lượng đồng doanh thu thuần cũng tăng lên. Trong những năm qua, công ty đã biết tận dụng giá trị sử dụng của TSCĐ phục vụ cho hoạt động . Điều này chứng minh sự quản trị hiệu quả, tiết kiệm của công ty đối với tài sản cố định.

+ Xét về hiệu suất sử dụng vốn cố định:

Bên cạnh đó, chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn cố định của Công ty trách nhiệm hữu

hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam cũng tăng qua các năm. Tăng từ 0.44 năm 2018 lên 0.62 vào năm 2020, tăng gấp rưỡi. Điều này cho thấy, với một đồng vốn cố định, công ty đang ngày càng tạo ra nhiều doanh thu thuần hơn. Trong đó sự tăng lên vượt trội được thể hiện trong giai đoạn 2019 - 2020, hiệu suất sử dụng vốn cố định tăng từ 0.52 lên 0.62, cho thấy, nếu năm 2019 một đồng vốn cố định chỉ tạo ra được 0.52 đồng doanh thu thuần thì đến năm 2020 con số này sẽ là 0.61 đồng doanh thu thuần, tăng thêm 0.10 đồng doanh thu thuần.

Sự tăng lên của hai chỉ tiêu trên chứng tỏ công ty đã biết tận dụng tốt nguồn tài sản cố định hiện có, đồng thời biết tạo thêm tài sản cố định để phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh , không bị lãng phí tài sản cố định, mang lại doanh thu lớn qua các năm. Đồng thời qua đó cũng nói lên rằng công tác quản trị tài sản cố định của công ty trong những năm qua là hiệu quả và cần được phát huy.

2.3.1.2. Quản trị vốn lưu động

Kết cấu vốn lưu động của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam được thể hiện thông qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.5: Cơ cấu vốn lưu động của
Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam
Giai đoạn 2018 – 2020

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Cơ cấu (%)	Năm 2019	Cơ cấu (%)	Năm 2020	Cơ cấu (%)
Vốn lưu động	**641.833.706.209**	**100**	**722.626.906.245**	**100**	**796.486.400.233**	**100**
+ Tiền mặt	14.718.001.840	2,29	23.204.002.901	3,21	24.105.003.013	3,03
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	240.475.976.046	37,47	288.571.171.255	39,93	346.285.405.506	43,48
+ Hàng tồn kho	354.106.279.324	55,17	371.811.593.290	51,45	379.247.825.156	47,62
+ Tài sản ngắn	32.533.448.999	5,07	39.040.138.799	5,40	46.848.166.558	5,88

hạn khác						

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty)

Từ bảng số liệu trên, dễ dàng nhận thấy rằng, lượng vốn lưu động của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đang tăng lên từ năm

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

2018 đến năm 2020. Năm 2018 lượng vốn lưu động của công ty là 641.833.706.209 đồng, năm 2020 số vốn này đã tăng lên mức 796.486.400.233 đồng.

Nhìn vào cơ cấu vốn lưu động của doanh nghiệp năm 2018, hàng tồn kho chiếm tỷ lệ khá lớn, bằng khoảng 55,17% vốn lưu động. Điều này chứng tỏ mức tiêu thụ hàng hóa năm 2018 chưa hiệu quả dẫn tới hàng tồn kho nhiều. Xét về xu hướng, mặc dù quy mô hàng tồn kho đang tăng lên, tăng từ mức 354.106.279.324 đồng năm 2018 lên mức 379.247.825.156 đồng năm 2020, nhưng về cơ cấu thì tỷ lệ hàng tồn kho trong cơ cấu vốn lưu động đang có xu hướng giảm dần, từ mức khá cao năm 2018 đã giảm xuống còn 47,62% vào năm 2020.

Đó cũng xem như là một tín hiệu tốt chứng minh sức tiêu thụ hàng hóa của công ty đang dần tăng lên và có những dấu hiệu khả quan.

Bảng 2.6: Cơ cấu hàng tồn kho của
Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam
Giai đoạn 2018-2020

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	2018	Cơ cấu (%)	2019	Cơ cấu (%)	2020	Cơ cấu (%)
Hàng tồn kho	**354.106.279.324**	**100**	**371.811.593.290**	**100**	**379.247.825.156**	**100**
+ Nguyên vật liệu	49.928.985.385	14,1	49.822.753.501	13,4	53.473.943.347	14,1
+ Công cụ dụng cụ	14.164.251.173	0,4	11.154.347.799	0,3	11.377.434.755	0,3
+ Chi phí sxkd dở dang	179.177.777.338	50,6	181.444.057.526	48,8	187.348.425.627	49,4
+ Thành phẩm	110.835.265.428	34,9	129.390.434.465	37,5	127.048.021.427	36,2

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty)

Bảng số liệu trên cho thấy nguyên vật liệu tồn kho của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam thấp nhưng vẫn ảnh hưởng đến quá

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

trình sử dụng vốn lưu động. Lượng nguyên vật liệu thường được công ty xác định đúng số lượng tiêu dùng và dự trữ, tuy nhiên lượng nguyên vật liệu thường được nhập theo đợt với số lượng lớn nên có một lượng dự trữ tồn kho nhất định nhằm đảm bảo cho quá trình kinh doanh được tiến hành bình thường.

Trong cơ cấu hàng tồn kho của Công ty, công cụ dụng cụ tồn kho chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ và có sự biến động không nhiều qua các năm: năm 2018, công cụ dụng cụ tồn kho là 14.164.251.173 đồng, chiếm 0.4% hàng tồn kho và sang năm 2019, 2020, lượng công cụ dụng cụ tồn kho có xu hướng giảm, nhưng không đáng kể, chiếm 0.3% hàng tồn kho của doanh nghiệp với giá trị năm 2020 là 11.377.434.755 đồng. Đây được coi là dấu hiệu tốt cho thấy việc quản trị công cụ dụng cụ có hiệu quả, làm giảm lượng tồn kho công cụ dụng cụ, công cụ dụng cụ được đem phục vụ cho quá trình kinh doanh một cách hiệu quả và không bị ứ đọng. Công ty nên phát huy mặt mạnh này và áp dụng rộng rãi đối với việc quản trị các dạng hàng tồn kho khác.

Chi phí dở dang và thành phẩm luôn chiếm tỷ trọng cao nhất nhì trong cơ cấu hàng tồn kho của Công ty. Năm 2018, chi phí dở dang chiếm 50,6% và thành phẩm chiếm 34,9% ; năm 2020 con số này lần lượt là 49,4% và 36,2 % và vẫn là danh mục có số lượng nhiều nhất trong hàng tồn kho của doanh nghiệp. Vấn đề này chứng tỏ công ty cần làm tốt hơn nữa công tác quản trị và lên kế hoạch sản xuất, cung ứng vật tư, tránh để lượng hàng tồn kho nhiều quá gây ứ đọng vốn của doanh nghiệp.

Vốn bằng tiền là khoản dùng để thanh toán cho khách hàng, trả nợ vốn vay, mua hàng hóa. Cũng giống như xu hướng dịch chuyển của hàng tồn kho: Quy mô lượng tiền mặt của công ty có sự tăng đáng kể, từ 14.718.001.840 đồng, chiếm 2,29% năm 2018 lên mức 24.105.003.013 đồng, chiếm 3,03% năm 2020. Tuy có sự tăng lên về quy mô song lượng tiền mặt so với cơ cấu trong vốn lưu động của cả 3 năm là thấp nhất và không nhiều, đây là một dấu hiệu xấu, gây khó khăn cho công ty trong việc chi trả khách hàng hoặc chi trả cho các hoạt động đột xuất khác.

Bảng 2.7: Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam Giai đoạn 2018-2020

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	2018	Cơ cấu (%)	2019	Cơ cấu (%)	2020	Cơ cấu (%)
Các khoản phải thu ngắn hạn	**240.475.976.046**	**100**	**288.571.171.255**	**100**	**346.285.405.506**	**100**
+ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	111.556.805.288	46,39	150.663.008.512	52,21	169.472.077.455	48,94
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn	127.788.933.671	53,14	137.879.305.626	47,78	158.044.659.073	45,64
+ Phải thu ngắn hạn khác	1.130.237.087	0,47	28.857.117	0,01	18.768.668.978	5,42

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty)

Trong cơ cấu các khoản phải thu của doanh nghiệp thì phải thu khách hàng luôn chiếm tỷ trọng cao nhất. Năm 2018, phải thu khách hàng có 111.556.805.288 đồng chiếm tới 46,39% các khoản phải thu. Sang các năm 2019, 2020, mặc dù khoản phải thu khách hàng vẫn tiếp tục tăng lên song đã có sự giảm xuống trong tỷ trọng. Năm 2020, khoản phải thu khác hàng chiếm 48,94% và khoản trả trước cho người bán chiếm 45,64%. Dù vậy, khoản phải thu khách hàng vẫn chiếm giữ vị trí cao nhất. Điều này thể hiện sự yếu kém trong việc quản trị khâu tiêu thụ sản phẩm và đòi nợ khách hàng. Dẫn đến tình trạng ứ đọng vốn phải thu khách hàng quá nhiều, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn của doanh nghiệp. Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Thông tấn xã Việt Nam cần có những biện pháp quyết liệt hơn nữa đối với hoạt động này, sử dụng công cụ lập kế hoạch bán hàng và phân phối sản phẩm, đồng thời giám sát việc thực hiện từ khi ký hợp đồng bán đến khi thu tiền và thanh lý hợp đồng.

Bảng 2.8: Đánh giá về hiệu quả kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam Giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm				
	2018	2019	2020	2019/ 2018	2020/ 2019
				(lần)	(lần)
1.Doanh thu và thu nhập khác	309.387.309.387	353.903.107.805	427.708.255.415	1,1	1,2
Đánh giá xếp loại chỉ tiêu	A	A	A		
2.Lợi nhuận thực hiện	10.365.010.223	13.220.026.440	19.151.438.303	1,3	1,4
Đánh giá xếp loại chỉ tiêu	A	A	A		
3.Nợ phải trả quá hạn	0	0	0		
Đánh giá xếp loại chỉ tiêu	A	A	A		
4.Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành	A	A	A		
Đánh giá	A	A	A		

(Nguồn: Tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả hoạt động các năm)

So sánh chỉ tiêu doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận giữa năm sau với năm trước của công ty luôn lớn hơn 1, tính chấp hành các quy định pháp luật hiện hành được Cục thuế Hà Nội và Bộ Tài chính theo dõi đánh giá chỉ tiêu này xếp loại A qua các năm 2018-2020, công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn nên chỉ tiêu này cũng được xếp loại A

2.3.1.3. Khảo sát thực tế thông qua nhân viên trong công ty về quản trị nguồn vốn

Để đánh giá một cách chính xác và toàn diện công tác Quản trị vốn tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, tác giả đã tiến hành

khảo sát thực tế thông qua các nhân viên trong công ty dưới hình thức phát phiếu điều tra. Đánh

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

giá chất lượng công tác quản trị sử dụng vốn tại công ty, tác giả sử dụng bảng số liệu thu thập và tổng hợp lại đối với công tác quản trị vốn dưới đây:

Bảng 2.9: Đánh giá về công tác quản trị sử dụng vốn

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	
Các sổ sách tài chính của công ty được thực hiện rõ ràng, minh bạch và trung thực	5	8	20	27	40	3.89
Công tác kiểm kê tài sản hiện có của doanh nghiệp được thực hiện định kỳ và có độ chính xác cao	13	10	22	25	30	3.49
Mức độ dự trữ hàng tồn kho của công ty là hợp lý	19	21	19	26	15	2.97
Công tác giám sát các hoạt động sử dụng vốn của công ty được lãnh đạo công ty hết sức quan tâm	16	25	17	22	20	3.05
Thông tấn xã VN thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sử dụng vốn và có những chỉ đạo định hướng về vốn tích cực.	24	31	17	13	15	2.64

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Hoạt động quản trị vốn của công ty thể hiện qua các tiên chí đánh giá sau:

Một là, đánh giá về tính minh bạch, khoa học và trung thực của hệ thống sổ sách tài chính của công ty. Điều này được nhân viên trong công ty đánh giá rất tốt, thể hiện ở số phiếu lựa chọn phương án đánh giá "Rất tốt" rất cao (đạt 40% tổng số phiếu), số phiếu đánh giá "Tốt" đạt 27/100 phiếu, trong đó số nhân viên không đồng tình chiếm tỷ lệ rất ít. Điểm trung bình đối với công tác này đạt cao nhất với 3.89 điểm, chứng tỏ tiêu chí này được đánh giá cao nhất trong các tiêu chí trên.

Hai là, đánh giá công tác quản trị kiểm kê đánh giá tài sản của công ty, hoạt động này cũng được nhân viên công ty đồng tình với số phiếu trả "Rất tốt" và "Tốt" đạt 55/100 phiếu, chỉ có 23/100 phiếu không đồng ý và còn lại đánh giá" chấp nhận được". Điểm bình quân của tiêu chí này là 3,49 điều này chứng tỏ công ty đã thực hiện công tác kiểm kê đánh giá tài sản đạt yêu cầu về thời gian, độ chính xác, tuy nhiên trên thực tế vì kiểm kê một lượng lớn tài sản vật tư tiến hành cùng một thời điểm nên cũng có một số bộ phận thực hiện kiểm đếm một cách máy móc, nhất là phần phân loại đánh giá chất lượng.

Ba là, khi đánh giá về tính hợp lý đối với hàng tồn kho của công ty cho thấy việc

quản trị hàng tồn kho của công ty chưa được đánh giá cao, cụ thể như sau: Số phương án lựa chọn "Rất tốt" là 15/100 phiếu, số lượng phương án lựa chọn đánh giá "Tốt" là 26/100 phiếu. Như vậy tỷ lệ lựa chọn đánh giá" Tốt" và "Rất tốt" trên tổng số là 41/100 phiếu chiếm tỷ lệ 41%. Trong khi đó tỷ lệ lựa chọn phương án đánh giá " Không tốt" và "Chưa đạt yêu cầu " là 40/100 phiếu chiếm tỷ lệ 40%. Điểm bình quân của tiêu chí này 2,97 nhỏ hơn 3 (là tiêu chí đánh giá chấp nhận được) qua kết quả đó cho thấy công ty đã quản trị chưa tốt việc dự trữ hàng tồn kho. Lượng tồn kho quá nhiều đặc biệt là chi phí sản xuất sản phẩm dở dang và thành phẩm làm giảm mức độ linh hoạt của nguồn vốn. Công ty cần có các biện pháp để giải phóng bớt hàng tồn kho của công ty, có kế hoạch tổ chức kinh doanh hợp lý, các định mức tiêu thụ để sản xuất một sản lượng hợp lý, tránh tồn kho giá trị lớn.

Bốn là, đánh giá mức độ quan tâm của Ban giám đốc công ty đến việc giám sát hoạt động sử dụng vốn. Qua dữ liệu khảo sát cho thấy Ban giám đốc công ty chưa thực sự sát sao trong việc giám sát hoạt động sử dụng vốn của công ty. Có tới 41/100 người lựa chọn "Không tốt" và "Chưa đạt yêu cầu" cho tiêu chí này, số người chọn "Tốt" và "Rất tốt" là 44/100 người, 17 người chọn "chấp nhận được". Điểm bình quân của tiêu chí này là 3,05 (phương án "chấp nhận được"), trong thời gian tới Ban giám đốc công ty cần có sự quan tâm hơn nữa việc giám sát hoạt động sử dụng vốn của công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Năm là, xem xét mức độ quan tâm, chỉ đạo của Thông tấn xã Việt Nam tới công tác sử dụng vốn của công ty thông qua các đợt kiểm tra, giám sát tại công ty và đưa ra những chỉ đạo định hướng nguồn vốn.

Qua bảng số liệu khảo sát có thể thấy Thông tấn xã Việt Nam chưa thực sự quan tâm đến vấn đề này, đa số nhân viên trong công ty không đồng tình với tiêu chí này với 55/100 phiếu, số người đánh giá "Rất tốt" chỉ 15/100 phiếu, "Tốt" là 13/100 phiếu và 17/100 người đánh giá "chấp nhận được".

Điểm trung bình đối với tiêu chí này thấp nhất trong số 5 tiêu chí, chỉ đạt 2,64 điểm. Vì vậy Thông tấn xã Việt Nam cần phải thực hiện tốt hơn nữa trong công tác giám sát hoạt động sử dụng vốn tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam. Về phía công ty cũng cần phải xem xét và quản trị sử dụng vốn hiệu quả nhất.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Tóm lại, đối với công tác quản trị vốn và tài sản, Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đã thực hiện tốt trong công tác kiểm kê, đánh giá tài sản cố định là nguồn vốn dài hạn của công ty. Song đối với các nguồn vốn ngắn hạn Công ty cần có sự quan tâm hơn nữa. Đặc biệt là việc quản trị hàng tồn kho vẫn chưa thực sự hiệu quả. Lượng tồn kho nhiều gây ứ đọng vốn của công ty.

2.3.2. Quản trị doanh thu

2.3.2.1. Doanh thu từ kinh doanh các loại vật tư ngành in

Doanh thu từ kinh doanh các loại vật tư ngành in là toàn bộ tiền bán sản phẩm, hàng hoá, cung ứng, dịch vụ sau khi trừ (-) khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại (nếu có chứng từ hợp lệ) được khách hàng chấp nhận thanh toán (không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền). Doanh thu từ hoạt động của Công ty chủ yếu là từ nguồn: Sản xuất in các sản phẩm: sách, báo, tạp chí, bản tin, Catalogue thương mại; các loại sách hướng dẫn (manuals, guide books); tem, nhãn bao bì…Kinh doanh xuất nhập khẩu giấy và các loại vật tư ngành in,..

Bảng dưới đây sẽ dẫn chứng cụ thể doanh thu từ các nguồn này của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam:

Bảng 2.10: Doanh thu của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam - Giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Nội dung	Năm		
	2018	2019	2020
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	305,6	350,6	423,6
Trong đó:			
- Kinh doanh các loại vật tư ngành in	195,0	215,0	245,0
- Kinh doanh xuất nhập khẩu giấy	109,6	134,6	177,6
- Sản xuất in các sản phẩm	31	42	46

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam)

Từ bảng trên cho thấy kết quả kinh doanh của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam thay đổi theo hướng tích cực qua các năm. Điều này thể hiện qua việc doanh thu tăng lên đều đặn từ năm 2018 đến năm 2020. Giai đoạn tăng trưởng nhanh nhất của doanh thu là giai đoạn 2018 - 2020, doanh thu năm

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

2018 là 305,6 tỷ đồng trong vòng 2 năm tài chính 2019 và 2020 đã tăng lên 423.6 tỷ đồng. Sự tăng lên của tổng doanh thu được hình thành từ sự tăng lên của các doanh thu thành phần. Từ năm 2018 đến năm 2020, doanh thu từ kinh doanh các loại vật tư ngành in tăng từ 195 tỷ đồng đến 245 tỷ đồng, doanh thu từ kinh doanh xuất nhập khẩu giấy tăng lên từ 109,6 tỷ đồng lên 177,6 tỷ đồng, doanh thu từ sản xuất in các sản phẩm tăng từ 31,0 tỷ năm 2018 lên đến 46 tỷ năm 2020.

Nhìn vào cơ cấu doanh thu của công ty, chúng ta có thể thấy doanh thu từ kinh doanh các loại vật tư ngành in chiếm tỷ trọng lớn nhất. Điều này hoàn toàn dễ hiểu đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực in như Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

Bảng 2.11: Cơ cấu doanh thu của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam - Giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: %

Nội dung	Năm		
	2018	2019	2020
Tổng doanh thu	100	100	100
- Từ kinh doanh các loại vật tư ngành in	48.8	48.3	47.8
- Từ kinh doanh xuất nhập khẩu giấy	35.9	35.4	32.9
- Từ sản xuất in các sản phẩm	15.3	16.3	19.3

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam)

Thông qua bảng số liệu và biểu đồ cơ cấu doanh thu, chúng ta có thể dễ dàng nhìn thấy xu hướng thay đổi về tỷ trọng giữa hai lĩnh vực đem lại doanh thu nhiều nhất cho Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam. Đó là, tỷ trọng của doanh thu đang tăng lên trong tổng doanh thu trong khi đó doanh thu kinh doanh xuất nhập khẩu giấy lại có tỷ trọng giảm chút từ năm 2018 đến nay. Năm 2018, tỷ trọng doanh thu kinh doanh các loại vật tư ngành in chiếm tới 48,8% tổng doanh thu nhưng đến năm 2020 con số này chỉ còn ở mức 47,8% trong tổng. Doanh thu trong lĩnh vực sản xuất in các sản phẩm ổn định và có sự tăng nhẹ từ 16,3% lên đến 19,3% trong năm 2020.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

2.3.2.2. Doanh thu tài chính và thu nhập khác

Tình hình quản trị doanh thu tài chính và thu nhập khác của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam được thể hiện thông qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.12: Doanh thu tài chính và thu nhập khác của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam Giai đoạn 2018 - 2020

Nội dung	Năm			So sánh (lần)	
	2018	2019	2020	2019/ 2018	2020/ 2019
Tổng doanh thu (đồng)	309.387.309.387	353.903.107.805	427.708.255.415		
Doanh thu tài chính và thu nhập khác (đồng)	3.787.003.787	3.302.406.605	4.107.408.215	0,87	1,24
Tỷ trọng doanh thu tài chính và thu nhập khác trên tổng doanh thu (%)	1,22	0,93	0,96		

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính của công ty)

Doanh thu tài chính và thu nhập khác của Công ty tăng từ năm 2018 đến năm 2020. Năm 2020 doanh thu khác đạt 4.107.408.215 đồng, cao hơn so với năm 2018 là 3.787.003.787 đồng. Bên cạnh đó, tỷ trọng doanh thu khác trong cơ cấu doanh thu cũng đang có xu hướng giảm nhẹ, năm 2018, doanh thu khác chiếm 1,22% tổng doanh thu, sau đó giảm xuống 0,96% vào năm 2020. Có thể thấy, tỷ trọng doanh thu khác là quá nhỏ trong cơ cấu doanh thu (Trung bình chiếm khoảng 1%). Chính vì vậy, doanh thu tài chính và thu nhập khác không thể là một chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp này, mặc dù năm 2020 gấp 1,24 lần so với năm 2019.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

2.3.2.3. Khảo sát thực tế thông qua các nhân viên trong công ty về quản trị doanh thu

Để đánh giá một cách chính xác và toàn diện công tác Quản trị doanh thu tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, tác giả đã tiến hành khảo sát thực tế thông qua các nhân viên trong công ty dưới hình thức phát phiếu điều tra. Các tiêu chí đánh giá công tác quản trị doanh thu tại công ty gồm:

Bảng 2.13: Đánh giá về công tác quản trị doanh thu

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	
Công tác khảo sát thị trường và sản xuất kinh doanh mức giá cho sản phẩm được công ty thực hiện định kỳ và có hiệu quả	21	25	19	18	17	2.85
Công ty thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo duy trì chất lượng sản phẩm, uy tín kinh doanh	4	5	25	36	30	3.83
Công ty đã thực hiện tốt công tác maketing và đa dạng hóa sản phẩm	13	21	26	22	18	3.11

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Một là, đánh giá tính hiệu quả và thường xuyên của công tác khảo sát thị trường và sản xuất kinh doanh mức giá cho sản phẩm. Kết quả khảo sát trên 100 phiếu điều tra tại Công ty cho thấy: Có 17/100 phiếu đánh giá "Rất tốt" chiếm 17%, số phiếu "Tốt" là 18/100 chiếm 18%; số phiếu đánh giá" Chấp nhận được" chiếm 19%; số phiếu đánh giá "chưa đạt yêu cầu" có 25/100 phiếu và có tới 21/100 phiếu rất đánh giá "không tốt". Có nghĩa là có tổng cộng 35% số người cho rằng công tác khảo sát thị trường và sản xuất kinh doanh mức giá cho sản xuất được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả, nhưng đã có tới 46% số người khảo sát tỏ ra không tin tưởng vào điều này. Từ đó có thể kết luận rằng công tác khảo sát thị trường và sản xuất kinh doanh giá cho sản xuất chưa có hiệu quả. Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam cần có các biện pháp tổ chức thực hiện hoạt động này thường xuyên hơn nữa công tác điều tra thị trường nhằm sản xuất kinh doanh giá sản phẩm phù hợp với nhu cầu của thị trường, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm công ty sản xuất. Từ

đó gia tăng doanh thu và lợi nhuận của công ty.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Hai là, đối với việc đánh giá các biện pháp duy trì chất lượng sản phẩm và uy tín kinh doanh. Có thể nói, chất lượng sản phẩm là yếu tố quyết định trong việc giữ khách hàng lâu dài của công ty. Chính vì vậy, Công ty trong những năm qua đã thực sự quan tâm đầu tư về chất lượng sản phẩm và giữ vững uy tín của mình trên thị trường. Thông qua việc điều tra, số phiếu đánh giá tốt và rất tốt chiếm tỷ lệ khá cao, tổng cộng có 66/100 phiếu, số phiếu đánh giá không tốt và chưa đạt yêu cầu chỉ có 9/100 phiếu.

Ba là, đối với công tác marketing và đa dạng hóa sản phẩm. Số phiếu đánh giá công ty thực hiện tốt có 40/100 phiếu, số phiếu đánh giá chưa đạt yêu cầu và không tốt là 34/100 phiếu. Mặc dù số phiếu đánh giá hoạt động này của công ty chưa tốt không cao bằng phía đánh giá tốt, song tỷ lệ này khá cao chứng tỏ công tác Marketing và đa dạng hóa sản phẩm của công ty chưa được đánh giá cao. Công ty cần bổ sung thêm các biện pháp để giới thiệu sản phẩm của mình cho khách hàng đồng thời đa dạng hóa các loại hình sản phẩm nhằm tăng doanh thu của công ty.

Qua 3 chỉ tiêu được đánh giá ở trên có thể kết luận rằng, công tác quản trị doanh thu của doanh nghiệp nhìn chung đã thu được những kết quả đáng khích lệ, khiến doanh thu của doanh nghiệp tăng đều qua các giai đoạn phát triển. Công ty cần phát huy những điểm mạnh đồng thời khắc phục những hạn chế, yếu kém để đảm bảo sự phát triển của mình. Trong đó cần quan tâm hơn đến công tác khảo sát thị trường và sản xuất kinh doanh mức giá cho sản phẩm, điểm trung bình của chỉ tiêu này chỉ đạt 2.85, thấp nhất trong các tiêu chí.

Chất lượng là yếu tố quyết định đến thành bại của công ty, công ty đã và đang thực hiện rất tốt công tác này với điểm trung bình tiêu chí đạt 3.83, cao nhất trong các tiêu chí đánh giá. Tuy nhiên về hoạt động marketing và đa dạng sản phẩm vẫn chưa được phát huy tốt. Công ty cần có những biện pháp nâng cao hoạt động giới thiệu sản phẩm tới khách hàng, đồng thời sản xuất ra những sản phẩm với nhiều mẫu mã, chủng loại, quy cách khác nhau đáp ứng với sự kỳ vọng của khách hàng.

2.3.3. Quản trị chi phí

Các chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí sản xuất sản phẩm như chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu,… sau đó là đến các chi phí công cụ, dụng cụ và cuối cùng là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Bảng 2.14: Tình hình chi phí của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam - Giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các chỉ tiêu	Năm						So sánh	
	2018		2019		2020		2019/ 2018	2020/ 2019
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	(lần)	(Lần)
Tổng chi phí	**297.642**	**100**	**339.629**	**100**	**407.085**	**100**	**1,14**	**1,20**
Chi phí sản xuất sản phẩm	291.208	97,84	332.894	98,02	399.6	98,16	1,14	1,2
+ Chi phí nguyên vật liệu	*204.068*		*229.973*		*284.164*			
+ Chi phí nhân công	*44.645*		*47.578*		*52.149*			
+ Chi phí công cụ dụng cụ	*8.253*		*9.220*		*9.680*			
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	*9.000*		*10.000*		*14.000*			
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	*20.126*		*29.206*		*31.056*			
+ Chi phí bằng tiền khác	*5.116*		*6.917*		*8.551*			
Chi phí bán hàng	542	0,18	1.029	0,3	1.485	0,37	1,90	1,44
Chi phí QLDN	5.892	1,98	5.706	1,68	6	1,47	0,97	0,01
Doanh thu	**305.600**		**350.600**		**423.600**		**1,15**	**1,21**
Lợi nhuận trước thuế	10.365		13.220		19.151		1,28	1,45
Lợi nhuận sau thuế	8.499		10.840		15.704		1,3	1,45

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Qua bảng trên cho thấy tổng doanh thu và tổng chi phí của hoạt động đều tăng lên. Giai đoạn 2018 - 2020, doanh thu tăng từ 305.600 triệu đồng lên 423.600 triệu

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

đồng thì chi phí cũng tăng lên gần như tương ứng từ 297.642 triệu đồng lên 407.085 triệu đồng. Nhìn chung, hoạt động của công ty đã có sự tiến triển tốt, kết quả đạt được là doanh thu tăng và lợi nhuận tăng. Song hạn chế là chi phí vẫn còn khá cao, chiếm đa số doanh thu nên tỷ lệ phần trăm lợi nhuận so với doanh thu nhỏ.

Trong tổng chi phí, chi phí sản xuất sản phẩm chiếm ưu thế hơn cả, nắm giữ trung bình khoảng 98% tổng chi phí, được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 2.15: Chi phí của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam - Giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	So sánh (Lần)	
				2019/2018	2020/2019
Tổng chi phí (giá trị)	297.642	339.629	407.085		
Tổng CFSX (giá trị)	291.208	332.894	399.600	1,14	1,20
CFSX/Tổng CF (%)	97,84	98,02	98,16		

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Chi phí nguyên vật liệu, chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí nhân công là ba khoản mục chi phí luôn nhận được sự quan tâm của các nhà quản trị tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam cũng như sự giám sát chặt chẽ của TTXVN.

2.3.3.1. Chi phí nguyên vật liệu đầu vào

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí do đặc thù của công ty là in ấn, khối lượng lớn nên đòi hỏi lượng nguyên vật liệu lớn với nhiều chủng loại:

+ Nguyên vật liệu chính: Đây là nguyên vật liệu quan trọng nhất để cấu thành nên sản phẩm. Nó chiếm khoảng 80% tổng chi phí nguyên vật liệu.

+ Nguyên vật liệu phụ: Đó là những nguyên liệu để kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn thiện sản phẩm và đảm bảo cho máy móc thiết bị hoạt động bình thường. Chiếm khoảng 10% tổng chi phí nguyên vật liệu.

+ Phụ tùng thay thế sửa chữa: Máy móc thiết bị vì phải chuyên chở, di chuyển và vận hành liên tục nên khó tránh khỏi những hỏng hóc. Công ty luôn luôn dành một

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

khoảng chi phí chiếm khoảng 5% để dự phòng chi trả cho công tác sửa chữa và thay thế máy móc thiết bị

+ Phụ liệu thu hồi: Là số nguyên vật liệu chưa sử dụng hết trong một quy trình sản xuất sẽ được gom lại và sử dụng cho chu trình sản xuất sau.

Chi phí nguyên vật liệu sản xuất tăng đều đặn và tăng chậm qua các năm. Năm 2018 số tiền chi trả cho nguyên vật liệu là 204.068 triệu đồng, đến năm 2020 chi phí nguyên vật liệu là 284.164 triệu đồng chiếm 71,1% tổng chi phí đầu tư sản xuất.

Những năm vừa qua nền kinh tế có nhiều biến động và lạm phát vẫn ở mức cao gía nguyên vật liệu trên thị trường tăng, có mặt hàng tăng hơn 10%, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí vì vậy sự tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào là nguyên nhân làm tăng tổng chi phí của doanh nghiệp. Chi phí nguyên vật liệu tăng nhưng tăng tương ứng với tổng chi phí sản xuất và doanh thu, chứng tỏ chi phí nguyên vật liệu của doanh nghiệp vẫn có thể được kiểm soát bởi tiết kiệm mức tiêu hao. Đây cũng là một yếu tố tích cực trong quản trị điều hành của công ty.

2.3.3.2. Chi phí nhân công

Hiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đang áp dụng phương pháp trả lương theo thời gian cho cán bộ công nhân viên và người lao động trong công ty bao gồm: cán bộ nhân viên làm việc ở các bộ phận gián tiếp, nhân viên trong các phòng ban nghiệp vụ, nhân viên quản trị. Cơ sở tính toán tiền lương là dựa vào bảng chấm công hàng tháng được lập riêng cho từng bộ phận, mỗi bộ phận có một người phụ trách chấm công, phụ trách chấm công cho nhân viên hàng tháng từ ngày mồng 1 cho đến hết ngày 30 hoặc ngày 31. Sau đó bảng chấm công của từng bộ phận sẽ được tổng hợp lại ở bộ phận hành chính để tiến hành tính toán lương, thưởng dựa trên bảng chấm công đó. Tiền lương cho công nhân trực tiếp sản xuất được tính trên định mức tiền nhân công và số lượng sản phẩm hoàn thành.

Ngoài việc chi trả tiền lương theo năng suất và hiệu quả lao động, Công ty cũng chi trả các khoản BHXH, BHYT trong các trường hợp ốm đau bệnh tật, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp,… Nguồn bù đắp là quỹ BHXH, BHYT được trích theo lương hàng tháng theo đúng quy định.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Bảng 2.16: Chi phí nhân công hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam - Giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm			So sánh (Lần)	
	2018	2019	2020	2019/2018	2020/2019
Tổng Chi phí sản xuất	291.208	332.894	399.600		
Trong đó: Chi phí nhân công	44.645	47.578	52.149	1.07	1.10
Tỷ trọng chi phí nhân công	15,3%	14,3%	13%	-1	-1,3

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Trong cơ cấu chi phí của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, chi phí nhân công cũng chiếm một phần không nhỏ, đứng sau chi phí nguyên vật liệu đầu vào.

Trong giai đoạn 2018 - 2020, chi chí nhân công của Công ty có sự tăng lên về số lượng. Năm 2018 là 44.645 triệu đồng; năm 2019 là 47.578 triệu đồng và sang năm 2020 con số này đạt 52.149 triệu đồng. Chi phí nhân công tăng đều đặn qua các năm phù hợp với lộ trình tăng lương cơ bản đối với cán bộ công nhân viên làm việc trong doanh nghiệp. Xét về tỷ trọng trong cơ cấu chi phí sản xuất thì chi phí nhân công lại có xu hướng giảm trong cơ cấu chứng tỏ năng suất lao động và tay nghề công nhân được nâng cao vì vậy tiết kiệm được chi phí nhân công đây là một xu hướng tốt trong quản trị điều hành công ty.

2.3.3.3. Chi phí sản xuất chung

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty có sự tăng theo thời gian, từ 9 tỷ đồng năm 2018 lên mức 14 tỷ đồng vào năm 2020 tỷ lệ cơ cấu chi phí khấu hao trong chi phí tăng từ 2,37% năm 2018 đến 3,5% năm 2020. Điều này chứng tỏ ngoài việc tiếp tục khấu hao trên những cơ sở vật chất vốn có, doanh nghiệp này đã có thêm các tài sản hữu hình khác được tính khấu hao làm chi phí khấu hao tăng lên. Mức thu hồi vốn khấu hao tăng lên chứng tỏ công ty đã tiết kiệm được chi phí khác, đây là dấu hiệu cho thấy công ty đang muốn mở rộng và nâng cao chất lượng của kinh doanh các loại vật tư ngành in. Mặt khác cũng cho thấy công ty quản trị và sử dụng tài sản cố định

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

một cách có hiệu quả.

Bảng 2.17: Chi phí sản xuất chung hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam trong giai đoạn 2018 – 2020

Chỉ tiêu	2018		2019		2020		So sánh (Lần)	
	Triệu đồng	Cơ cấu (%)	Triệu đồng	Cơ cấu (%)	Triệu đồng	Cơ cấu (%)	2019/2018	2020/2019
Chi phí sản xuất sản phẩm	**291.208**	***100***	**332.894**	***100***	**399.600**	***100***		
Trong đó:								
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	9.000	*3,09*	10.000	*3,00*	14.000	*3,5*	1,11	1,40
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.126	*6,91*	29.206	*8,77*	31.056	*7,8*	1,45	1,06
+ CF bằng tiền khác	5.116	*1,75*	6.917	*2,07*	8.551	*2,14*	1,35	1,24

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Chi phí bằng tiền khác và chi phí dịch vụ mua ngoài cũng tăng qua thời gian. Từ năm 2018 đến năm 2020, chi phí dịch vụ mua ngoài tăng từ 20.126 triệu đồng lên mức 31.056 triệu đồng (cơ cấu chi phí tăng từ 6,91% lên 7,8% trong tổng chi phí sản xuất), chi phí khác bằng tiền tăng từ mức 5.116 triệu đồng lên 8.551 triệu đồng (cơ cấu chi phí tăng từ 1,98% lên 2,14% trong tổng chi phí sản xuất), như vậy cơ cấu chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền tăng lên từ 2018 đến 2020 cũng là một xu hướng tất yếu do lạm phát và vì giá cả trên thị trường tăng đặc biệt với 3 mặt hàng: điện, nước, xăng dầu,…. Các nhà quản trị tài chính cần quản trị chặt chẽ hơn nữa định mức tiêu hao và các khoản chi tiêu này để tiết kiệm chi phí. Dùng các biện pháp như phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật để sử dụng tiết kiệm nguồn nhiên liệu và năng lượng như: điện, hơi, nước.

2.3.3.4.Khảo sát thực tế thông qua các nhân viên trong công ty về quản trị chi phí

Để đánh giá một cách chính xác và toàn diện công tác Quản trị chi phí tại Công

ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, tác giả đã tiến hành khảo sát thực tế thông qua các nhân viên trong công ty dưới hình thức phát phiếu điều tra cho các nhân viên của công ty theo các tiêu chí sau đây:

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Bảng 2.18: Đánh giá về công tác quản trị chi phí sản xuất

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	
Định mức kinh tế của công ty được TTXVN phê duyệt phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty	13	19	15	28	25	3.33
Công ty chấp hành tốt các định mức kinh tế được đề ra	11	13	19	28	29	3.51
Các báo cáo chi phí sử dụng cho hoạt động của công ty được thực hiện đầy đủ và kịp thời, chính xác	12	11	21	29	27	3.48
Hoạt động phân tích định kỳ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được công ty thực hiện một cách hiệu quả	13	18	27	18	24	3.22

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Thứ nhất, Thông tấn xã Việt Nam đã phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật do công ty sản xuất kinh doanh có phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty hay không. Nhân viên công ty tương đối hài lòng với vấn đề này. Thể hiện là mức điểm trung bình đạt 3.33, số người đánh giá "Rất tốt" là 25/100 phiếu, "Tốt" là 28/100 phiếu, "chấp nhận được" là 15/100 phiếu, "không tốt" và "chưa đạt yêu cầu" là 22 /100 phiếu, cho thấy TTXVN đã quản trị chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật mà công ty đã sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất tại công ty.

Thứ hai, đánh giá mức độ thực hiện và hoàn thành các định mức kinh tế đã được duyệt của công ty. Đối với tiêu chí này nhân viên công ty tỏ ra khá hài lòng, số người đánh giá "Tốt" và "Rất tốt" 57/100 phiếu tương đương với 57%, tuy vẫn có nhiều người không đánh giá tiêu chí trên chưa tốt chiếm 23/100 phiếu chiếm 23%, điểm trung bình khá cao đạt 3.51, cao nhất trong số 4 tiêu chí. Chứng tỏ rằng, mức độ thực hiện và hoàn thành các định mức kinh tế do TTXVN duyệt cho Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam khá tốt. Tuy vậy số lượng phiếu đánh giá chưa tốt vẫn chiếm tới 23 % số lượng mẫu tham gia điều tra. Chính vì vậy, công ty cần quan tâm hơn nữa tới công tác quản trị chi phí sản xuất sao cho có hiệu quả hơn.

Thứ ba, đánh giá tính chính xác và đầy đủ của các báo cáo chi phí sử dụng cho hoạt động của công ty. Số liệu khảo sát có 27/100 phiếu đánh giá "Rất tốt", số phiếu đánh giá "Tốt" là 29/100 phiếu, "chấp nhận được" là 21/100 phiếu, phiếu "không tốt" và "chưa đạt yêu cầu" 23/100 phiếu. Tổng cộng có 56/100 số phiếu đánh giá tốt việc báo cáo chi phí sử dụng cho hoạt động sản xuất của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam là công khai, minh bạch, chính xác và đầy đủ kịp thời. Chỉ có 22/100 số phiếu không đồng ý, tương đương với 22%. Điểm trung bình của tiêu chí này khá cao đạt 3.48. Qua đó chứng tỏ công ty đã thực hiện tốt công tác lập báo cáo chi phí sử dụng cho kinh doanh các loại vật tư ngành in sản xuất của mình.

Thứ tư, đánh giá mức độ hiệu quả của hoạt động phân tích định kỳ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm (điểm trung bình 3.22). Tiêu chí này được đánh giá ở mức độ trung bình, đã có rất nhiều người đánh giá "không tốt" và "chưa đạt yêu cầu" với 31/100 người, số phiếu đánh giá "Tốt" và "Rất tốt" là 42/100 phiếu, phiếu đánh giá " chấp nhận được " 27/100. Điều này chứng tỏ công ty cần quan tâm và nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động phân tích định kỳ các chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

2.3.4. Quản trị lợi nhuận

Lợi nhuận của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam có sự tăng trưởng qua nhiều năm, được thể hiện cụ thể qua bảng sau đây:

Bảng 2.19: Lợi nhuận hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm			So sánh (Lần)	
	2018	2019	2020	2019/2018	2020/2019
Lợi nhuận trước thuế	10.365.010.223	13.220.026.440	19.151.438.303	1,28	1,45
Lợi nhuận thuần từ kinh doanh các loại vật tư ngành in	10.314.010.314	13.175.026.350	19.104.438.209	1,28	1,45
Lợi nhuận khác	50.999.909	45.000.090	47.000.094	0,88	1,04

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Lợi nhuận trước thuế đạt được từ năm 2018 đến năm 2020 có thành tích tăng trưởng khá nhanh, từ 10.365.010.223 đồng năm 2018, đến năm 2020 lợi nhuận trước

thuế của công ty đã tăng lên mức 19.151.438.303 đồng. Trong giai đoạn 2018 - 2020, nhìn chung lợi nhuận trước thuế của Công ty đang tăng lên, trong đó khoảng cách tăng trưởng giữa các năm đang được kéo xa hơn: giai đoạn 2018 - 2019 khoảng cách tăng trưởng lợi nhuận đạt 1,28 lần; cuối cùng là giai đoạn 2019 - 2020 khoảng cách tăng trưởng lợi nhuận đạt 1,45 lần, trong đó chủ yếu là lợi nhuận thuần từ kinh doanh các loại vật tư ngành in. Đó là tín hiệu đáng mừng cho lợi nhuận của doanh nghiệp, mục tiêu gia tăng lợi nhuận trong quản trị tài chính của doanh nghiệp được hoàn thành.

Bảng 2.20: Cơ cấu lợi nhuận trước thuế của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Năm			So sánh (+/-)	
	2018	2019	2020	2019/2018	2020/2019
Lợi nhuận trước thuế	100	100	100		
Lợi nhuận thuần từ kinh doanh các loại vật tư ngành in	99,51	99,66	99,75	0,15	0,09
Lợi nhuận khác	0,49	0,34	0,25	(0,15)	(0,09)

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Từ các bảng số liệu trên cho thấy, lợi nhuận thuần từ kinh doanh các loại vật tư ngành in có sự tăng lên cả về quy mô và tỷ trọng. Năm 2018, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh chiếm 99,51% tổng lợi nhuận trước thuế của công ty thì tới năm 2020, lợi nhuận thuần từ kinh doanh các loại vật tư ngành in vẫn tăng đáng và đạt 99,75% trong tổng lợi nhuận trước thuế. Trong khi đó lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận khác có sự giảm về quy mô nhưng không nhiều, hơn nữa lại giảm trong tỷ trọng so với tổng lợi nhuận trước thuế. Giai đoạn 2018 - 2019, lợi nhuận từ hoạt khác đã giảm 0,15%, và giai đoạn 2019-2020 đã giảm 0,09%. Điều này xuất phát từ thực tế là, trong những năm vừa qua, tình hình tài chính trong nước nói chung không được ổn định, các kênh đầu tư trở nên kém hấp dẫn và có độ an toàn không cao. Chính vì vậy, công ty cũng đã dè dặt hơn trong việc quyết định đầu tư vào lĩnh vực đầu tư tài chính. Do đó, lợi nhuận từ hoạt động này có sự giảm sút trong tỷ trọng.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Về tình hình phân phối lợi nhuận của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, lợi nhuận sau thuế của công ty sau khi được chi trả cho các khoản lỗ từ năm trước chuyển sang, chi trả liên doanh liên kết,… sẽ được trích lập các quỹ sau:

+ Quỹ dự phòng tài chính: thường chiếm trên 10%, nếu đạt 25% thì không trích nữa

+ Quỹ đầu tư phát triển: Thường chiếm trên 50%

+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

+ Quỹ thưởng ban điều hành 5% (không quá 500 triệu đồng)

Trong những năm qua, công tác phân phối lợi nhuận vào các quỹ của công ty vẫn diễn ra thường xuyên, liên tục theo niên độ. Cụ thể như sau:

Bảng 2.21: Phân phối lợi nhuận hàng năm của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam giai đoạn 2018 - 2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm			So sánh (+/-)	
	2018	2019	2020	2019/2018	2020/2019
Lợi nhuận sau thuế	**8.499**	**10.840**	**15.704**	**2.34**	**4.864**
+ Quỹ dự phòng tài chính	849,9	1.084	1.570,4	234,1	486,4
+ Quỹ đầu tư phát triển	4.250	5.420	7.852	1.170	2.432
+ Quỹ khen thưởng	1.487	1.920	2.890,6	433	970,6
+ Quỹ thưởng ban điều hành	424,95	500	500	75,05	0
+ Quỹ phúc lợi	1.487	1.920	2.890,6	433	970,6

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Nhìn chung, quỹ dự phòng tài chính và quỹ đầu tư phát triển là hai hình thức quỹ

chủ yếu được công ty quan tâm phân phối lợi nhuận. Trong đó, quỹ đầu tư phát triển có tỷ lệ trích cao nhất và tăng lên đều đặn mỗi năm. Năm 2018, quỹ đầu tư phát triển

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

trích 4.250 triệu đồng và tăng lên mức 7.852 triệu đồng vào năm 2020. Do quỹ đầu tư phát triển có liên quan chặt chẽ tới lợi nhuận của công ty nên mức tăng lên của quỹ đầu tư phát triển chứng tỏ sự tăng lên của lợi nhuận và việc của công ty có hiệu quả. Lượng vốn điều lệ tăng lên mỗi năm để bổ sung cho vốn điều lệ, làm tăng quy mô và năng lực của doanh nghiệp trên thị trường.

Quỹ dự phòng tài chính là khoản dự phòng dùng để bù đắp những tổn thất về tài sản cũng như bù lỗ cho hoạt động . Trong giai đoạn 2018 - 2020, quỹ dự phòng tài chính cũng tăng đều qua các năm, về tổng thể năm 2020 so với năm 2019, việc phân bổ vào quỹ dự phòng tài chính vẫn tăng thêm 486,4 triệu đồng.

Quỹ thưởng ban điều hành theo quy định là trích 5% và không được vượt quá 500 triệu đồng, doanh nghiệp đã thực hiện đúng quy định này.

**Khảo sát thực tế thông qua các nhân viên trong công ty về Quản trị lợi nhuận*

Để đánh giá một cách chính xác và toàn diện công tác Quản trị lợi nhuận tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, tác giả đã tiến hành khảo sát thực tế thông qua các nhân viên trong công ty dưới hình thức phát phiếu điều tra

Bảng 2.22: Đánh giá về công tác Quản trị lợi nhuận

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	
Mọi công việc sử dụng các nguồn quỹ đều được báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của TTXVN và Bộ Tài chính	7	8	26	35	24	3.61
TTXVN thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát và hỗ trợ hoạt động sử dụng nguồn quỹ trích từ lợi nhuận của công ty	4	5	26	31	34	3.86

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Thứ nhất, kiểm tra kết quả đánh giá về sự thường xuyên trong công tác báo cáo kết quả kinh doanh các loại vật tư ngành in của Công ty. Số phiếu đánh giá "Tốt" và "Rất tốt" kết luận trên rất cao, chiếm 59/100 số phiếu điều tra, số lượng người đánh giá chưa đạt yêu cầu và không tốt chỉ có 15/100 tổng số phiếu điều tra hợp lệ. Điều đó chứng tỏ, công tác báo cáo về sử dụng các nguồn quỹ đối với TTXVN đã được Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam thực hiện rất nghiêm túc.

Thứ hai, đánh giá mức độ thường xuyên trong việc hỗ trợ và giám sát của

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

TTXVN và Bộ Tài chính trong việc sử dụng các nguồn quỹ được trích lập của Công ty. Có 65/100 phiếu đánh giá rằng TTXVN và Bộ Tài chính đã thực hiện giám sát việc sử dụng các nguồn quỹ của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam một cách thường xuyên và chỉ có 9 trong số 100 người khảo sát không đồng ý với ý kiến đó. Như vậy, TTXVN và Bộ Tài chính đã thực hiện đúng chức năng là cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý tài chính đối với Công ty, sự kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của Công ty trong việc sử dụng các quỹ sao cho đúng mục đích được thực hiện thường xuyên và liên tục, đảm bảo không có sự tham ô lãng phí và thất thoát nguồn quỹ của công ty.

2.3.5. Quản trị khả năng thanh toán

Tình hình tài chính chịu ảnh hưởng và tác động trực tiếp đến việc thanh toán. Để thấy rõ tình hình tài chính của công ty hiện tại tại và trong tương lai cần phải đi sâu phân tích khả năng thanh toán của công ty.

** Khả năng thanh toán trong ngắn hạn*

Bảng 2.23 cho thấy qua 3 năm, số vốn luân chuyển của công ty luôn dương và tăng đều trong các năm luôn đảm bảo khả năng chi trả, tuy nhiên do sự gia tăng về nợ ngắn hạn, thì trong những năm tới công ty cần có biện pháp kinh doanh hợp lý để giảm bớt sức ép thanh toán với tài sản ngắn hạn.

Bảng 2.23: Tính toán vốn luân chuyển từ năm 2018-2020

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm			Tốc độ phát triển (%)		
	2018	2019	2020	2019/2018	2020/2019	BQ
Tài sản ngắn hạn	641.83	722.62	796.48	112.58	110.22	111.40
Nợ ngắn hạn	255.94	263.81	354.40	103.07	134.34	118.70
Vốn luân chuyển	876.64	1086.20	1167.80	123.90	107.51	115.70

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Bảng 2.24 cho thấy hệ số thanh toán hiện hành của công ty luôn >1, chứng tỏ công ty đảm bảo cho cá khoản nợ ngắn hạn mà không phải vay mượn thêm, năm 2020

thì cứ 1 đồng nợ ngắn hạn thì được 1,24 đồng tài sản lưu động đảm bảo, trong năm 2020 chứng tỏ công ty vẫn tiếp tục mở rộng sản xuất và duy trì được sự đảm bảo của tài sản lưu động với nợ ngắn hạn.

Bảng 2.24: Hệ số thanh toán hiện hành từ năm 2018-2020

N

H

h

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Bảng 2.25 cho thấy qua 3 năm, hệ số thanh toán nhanh có biến động như tăng cao hơn vào năm 2019 (trong năm 2019 hệ số này là 1,18 lần) nguyên nhân là do tăng nhanh của các khoản phải thu. Chứng tỏ công ty đang cố gắng duy trì khả năng thanh toán của mình đối với nợ ngắn hạn.

Bảng 2.25: Hệ số thanh toán nhanh từ năm 2018 - 2020

H

n

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

- *Thanh toán trong dài hạn:*

Bảng 2.26: Tính toán hệ số khả năng trả nợ lãi vay từ năm 2018-2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			Tốc độ phát triển (%)		
		2018	2019	2020	2019/2018	2020/2019	BQ
Lợi nhuận thuần HĐKD	Tỷ.đ	10.314	10.175	19.104	98.65	187.75	143.2
Lãi nợ vay	Tỷ.đ	1.238	0.990	1.364	79.96	137.77	108.86
Hệ số khả năng trả nợ lãi vay	Lần	8.33	8.22	14.0	123.37	136.27	131.54

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Bảng 2.26 cho thấy trong năm 2019, lãi vay của công ty phát sinh thấp hệ số khả năng trả nợ lãi vay tăng 8.22 lần do lợi nhuận giảm và lãi vay cũng giảm. Đến năm 2020 hệ số khả năng trả nợ vay tăng 14,0 lần do lợi nhuận tăng và lãi nợ vay tăng lên.

- Bảng 2.27 cho thấy Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu năm 2019 so với năm 2018 giảm 0,22 lần cho thấy Doanh nghiệp đang thực hiện tốt kỷ luật thanh toán tín dụng.

Đánh giá chung qua 3 năm, cho thấy tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm qua các năm, điều này chứng tỏ công ty thu hồi nợ rất tốt.

Bảng 2.27: Tính toán tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu từ năm 2018-2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm			Tốc độ phát triển (%)		
		2018	2019	2020	2019/2018	2020/2019	BQ
Nợ phải trả	Tỷ.đ	489.70	361.82	394.64	73.88	109.07	91.47
Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ.đ	876.64	1086.20	1167.8	123.90	107.51	115.70
Tỷ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0.55	0.33	0.33	59.63	101.45	79.06

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

2.3.6. Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát về tài chính

Công tác quản trị tài chính của doanh nghiệp thường được thực hiện theo cơ cấu dọc tức là người bên trên sẽ thực hiện kiểm tra, giám sát người bên dưới dựa trên các

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

tiêu chí quản lý. Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, cơ quan kiểm tra, giám sát công ty là Ban Kế hoạch Tài chính - TTTXVN và Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính.

Dựa trên những cơ chế do pháp luật quy định, Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đã tiến hành các biện pháp quản trị tài chính bằng các quy định, ví dụ: "Quy chế quản tài chính", ''Quy chế quản lý tài sản'', ''Quy chế quản lý công nợ'', ''Định mức tiêu hao vật tư'', ''Quy chế hoạt động và chi tiêu quỹ nghiên cứu và phát triển'', ''Quy chế chi trả lương'', ''Quy chế chi tiêu nội bộ'', ''Quy chế khen thưởng''… Ngoài các quy chế quản lý về tài chính công ty còn ban hành các quy định trong công tác quản lý: quy định về luân chuyển chứng từ tập hợp chi phí sản xuất, quy định về quản lý và sử dụng điện nước, quy định về tiếp khách... Các quy chế quy định này được ban hành và được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Các quy chế quy định này sau một thời gian áp dụng sẽ được bổ sung và chỉnh sửa cho phù hợp với đặc điểm và tình hình sản xuất thực tế tại công ty trong từng giai đoạn phát triển của công ty.

Để đánh giá về cơ chế, công cụ và hình thức quản trị tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, tác giả đã tổ chức phát phiếu điều tra tới cán bộ công nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam là những người trực tiếp liên quan đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp và đã thu được những kết quả như sau:

Bảng 2.28: Đánh giá về cơ chế công cụ và hình thức quản lý

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	
Các quy chế, công cụ quản trị tài chính do pháp luật ban hành phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh nghiệp	5	5	24	29	37	3,88
Các quy chế, quy định, công cụ quản lý của Công ty đã mang lại hiệu quả quản trị tài chính cao tại công ty	16	18	31	20	15	3,00

Nguồn: Điều tra của tác giả

Thứ nhất, đối với các quy chế và công cụ tài chính mà Ban giám đốc đưa ra, có

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

66/100 phiếu đánh giá tốt và rất tốt với việc các quy chế và công cụ tài chính đó là phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh nghiệp. Và chỉ có 10/100 phiếu đánh giá không tốt và chưa đạt yêu cầu với ý kiến nêu trên. Điểm trung bình của tiêu chí này rất cao (đạt 3.88 điểm).

Điều đó cho thấy Ban giám đốc đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình trong việc đưa ra các công cụ quản trị tài chính đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam và đã thu được tỷ lệ hài lòng khá cao trong công ty.

Thứ hai, đánh giá hiệu quả của các công cụ quản trị tài chính của Công ty trong tình hình thực tiễn của công ty. Khi tiến hành khảo sát trên cán bộ công nhân viên, kết quả khảo sát thu được là có 35/100 phiếu đánh giá tốt và rất tốt về hiệu quả của các công cụ quản lý cụ thể là các quy chế quy định về quản lý. Trong khi đó, cũng có đến 32/100 số phiếu đánh giá các công cụ quản trị tài chính chưa đạt yêu cầu và không tốt.

Đánh giá với phương án chấp nhận được là 31/100 phiếu, tương đương khoảng 31%, điểm trung bình không cao chỉ đạt 3.00. Từ đó cho thấy, việc áp dụng các công cụ và biện pháp mà công ty đang áp dụng cho hoạt động quản trị tài chính chưa thực sự mang lại hiệu quả cao. Theo đánh giá bên trên, các công cụ và biện pháp quản lý được đưa ra phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh nghiệp, nhưng việc thực hiện lại chưa đem lại hiệu quả như mong muốn. Điều này không hề vô lý bởi việc áp dụng các biện pháp đó là phụ thuộc vào bản thân doanh nghiệp và trình độ của các cán bộ tham gia trực tiếp vào quá trình quản lý.

Thông qua việc đánh giá kết quả điều tra khảo sát trên cho thấy chất lượng cán bộ quản trị tài chính của công ty mới dừng lại ở mức độ chấp nhận được. Trong thời gian tới chất lượng của đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty cần được hoàn thiện và nâng cao hơn nhằm đáp ứng yêu cầu của của nhiệm vụ công tác quản trị tài chính

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác Quản trị tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

2.4.1. Yếu tố bên trong

** Đánh giá chất lượng của đội ngũ quản lý*

Trong công tác quản trị tài chính, đội ngũ cán bộ tham gia vào quá trình quản lý cần có những sự hiểu biết chuyên sâu về vấn đề tài chính và quản trị tài chính. Để đánh

giá chất lượng của đội ngũ cán bộ quản trị tài chính của Công ty trách nhiệm hữu

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, tác giả đã phát phiếu điều tra dựa trên ba tiêu chí sau:

Kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác quản trị tài chính của Công ty

Các biện pháp hỗ trợ, bổ sung nguồn nhân lực từ cơ quan quản lý cấp trên đối với Công ty

Hoạt động đào tạo lớp quản lý kế cận của công ty.

Bảng 2.29: Đánh giá về chất lượng đội ngũ cán bộ quản trị tài chính

Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình
		1	2	3	4	5	
Chất lượng đội ngũ cán bộ quản trị tài chính	Lãnh đạo công ty, lãnh đạo bộ phận quản trị tài chính có đầy đủ kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác quản trị tài chính của mình	5	6	19	31	39	3,93
	Trình độ năng lực cán bộ quản lý tài chính cơ quan cấp trên trong hỗ trợ công ty	13	14	22	21	30	3,41
	Có những biện pháp đào tạo nhân sự quản lý cho công ty một cách hiệu quả	6	10	16	36	32	3,78

Thứ nhất, đánh giá kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác quản trị tài chính của cán bộ lãnh đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam bao gồm: Chủ tịch công ty, Ban giám đốc, Kiểm soát viên của chủ sở hữu, Kế toán trưởng.

Qua việc khảo sát ý kiến đánh giá của cán bộ nhân viên, kết quả thu được khá khả quan. Số người đánh giá tốt và rất tốt về chất lượng cán bộ quản lý đạt 39/100 người, số người đánh giá chấp nhận được là 31/100 người, chỉ có 11/100 người đánh giá không tốt và chưa đạt yêu cầu về chất lượng cán bộ.

Như vậy, có thể nói rằng chất lượng cán bộ quản trị tài chính của công ty được đánh giá rất cao về kiến thức và năng lực quản lý. Đây là một điều kiện rất thuận lợi để công ty có thể áp dụng các biện pháp quản trị tài chính một cách có hiệu quả.

Thứ hai, đánh giá về trình độ năng lực cán bộ quản trị tài chính cấp trên trong công tác giám sát kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ với cấp dưới, đội ngũ quản lý cho

Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

Số phiếu đồng đánh giá tốt và rất tốt có 51/100 phiếu, số phiếu đánh giá không tốt và chưa đạt yêu cầu là 27/100 phiếu. Do đó, có rất nhiều người cho rằng, TTXVN đã và đang có nhiều sự giúp đỡ và hỗ trợ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam nhằm bổ sung nhân lực quản lý cho công ty, đặc biệt là những người có năng lực và kinh nghiệm quản lý

Thứ ba, đối với công tác đào tạo, hỗ trợ bổ sung nguồn nhân lực do TTXVN thực hiện. Qua kết quả kiểm tra đánh giá dựa trên số lượng phiếu điều tra, số người đồng ý với ý kiến cho rằng TTXVN đã có những biện pháp hiệu quả nhằm đào tạo lớp nhân lực quản lý kế cận về trình độ và chuyên môn chiếm 68% tương ứng với 68/100 phiếu đánh giá tốt.

Trong khi số người tỏ ra không hài lòng về tính hiệu quả của các biện pháp mà TTXVN áp dụng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam trong quá trình đào tạo cán bộ quản lý chỉ có 16% tương ứng với 16/100 phiếu không đồng ý và rất không đồng ý.

Đánh giá chung về chất lượng đội ngũ cán bộ quản trị tài chính của công ty nói chung là tốt. Điểm trung bình của các tiêu chí tương đối cao, trong đó chất lượng đội ngũ lãnh đạo được đánh giá tốt nhất với điểm trung bình cao nhất đạt 3.93. Công ty cần quan tâm hơn đến việc bổ sung những người có trình độ, kinh nghiệm vào bộ máy, điểm trung bình của tiêu chí này thấp nhất trong ba tiêu chí, đạt 3.41 điểm.

** Về công cụ và hình thức quản trị tài chính*

Để đánh giá về cơ chế, công cụ và hình thức quản trị tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, tác giả đã tổ chức phát phiếu điều tra tới cán bộ công nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam là những người trực tiếp liên quan đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp và đã thu được những kết quả như sau:

Bảng 2.30: Đánh giá về cơ chế công cụ và hình thức quản lý

Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Điểm trung bình
		1	2	3	4	5	
Cơ chế, công cụ, hình thức quản lý	Các quy chế, công cụ quản trị tài chính do pháp luật ban hành phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh nghiệp	5	5	24	29	37	3,88
	Các quy chế, quy định, công cụ quản lý của Công ty đã mang lại hiệu quả quản trị tài chính cao tại công ty	16	18	31	20	15	3,00

Thứ nhất, đối với các quy chế và công cụ tài chính mà Ban giám đốc đưa ra, có 66/100 phiếu đánh giá tốt và rất tốt với việc các quy chế và công cụ tài chính đó là phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh nghiệp. Và chỉ có 10/100 phiếu đánh giá không tốt và chưa đạt yêu cầu với ý kiến nêu trên. Điểm trung bình của tiêu chí này rất cao (đạt 3.88 điểm).

Điều đó cho thấy Ban giám đốc đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình trong việc đưa ra các công cụ quản trị tài chính đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam và đã thu được tỷ lệ hài lòng khá cao trong công ty.

Thứ hai, đánh giá hiệu quả của các công cụ quản trị tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam trong tình hình thực tiễn của công ty. Khi tiến hành khảo sát trên cán bộ công nhân viên, kết quả khảo sát thu được là có 35/100 phiếu đánh giá tốt và rất tốt về hiệu quả của các công cụ quản lý cụ thể là các quy chế quy định về quản lý.

Trong khi đó, cũng có đến 32/100 số phiếu đánh giá các công cụ quản trị tài chính chưa đạt yêu cầu và không tốt. Đánh giá với phương án chấp nhận được là 31/100 phiếu, tương đương khoảng 31%. Điểm trung bình không cao chỉ đạt 3.00. Từ đó cho thấy, việc áp dụng các công cụ và biện pháp mà công ty đang áp dụng cho hoạt động Quản trị tài chính chưa thực sự mang lại hiệu quả cao. Theo đánh giá bên trên, các công cụ và biện pháp quản lý được đưa ra phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh

nghiệp, nhưng lại việc thực hiện lại chưa đem lại hiệu quả như mong muốn.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

2.4.2. Yếu tố bên ngoài

** Sự ổn định của nền kinh tế*

Sự ổn định hay không ổn định của nền kinh tế, của thị trường có ảnh hưởng trực tiếp tới mức doanh thu của doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng tới nhu cầu về vốn của doanh nghiệp. Những biến động của nền kinh tế có thể gây nên những rủi ro trong kinh doanh mà các nhà quản trị tài chính phải lường trước.

** Sự cạnh tranh trên thị trường và sự tiến bộ kỹ thuật, công nghệ*

Sự cạnh tranh là điều không tránh khỏi, nhất là ngành in. Việc cạnh tranh này ảnh hưởng đến hoạt động Quản trị tài chính của công ty, đặc biệt là hoạt động Quản trị doanh thu của công ty.

2.5. Đánh giá chung về công tác Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

2.5.1. Những mặt tích cực

Công tác quản trị tài chính của công ty những năm qua đã thu được những kết quả tích cực sau:

- Đối với công tác Quản trị nguồn vốn, công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị vốn cố định, tạo ra sự tăng trưởng của vốn cố định qua các năm. Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đã tận dụng các nguồn lực tối đa cho mục đích đầu tư vào cơ sở vật chất, máy móc thiết bị và dây chuyền nhằm gia tăng năng suất cũng như chất lượng sản phẩm. Giá trị tài sản cố định của công ty năm 2020 đạt 786,5 tỷ đồng. Ngoài ra, việc bảo toàn và gia tăng nguồn vốn của Nhà nước cũng là một điểm tích cực trong công tác quản trị nguồn vốn của công ty. Vốn chiếm tỷ trọng cao và có quy mô tăng qua các năm. Công ty luôn khắc phục khó khăn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất, không để đình trệ sản xuất do thiếu vốn. Thực hiện đúng chế độ hạch toán - kế toán, các quy định trong công tác Quản trị vốn sản xuất kinh doanh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, thực hiện đúng các quy chế quy định của Ban giám đốc trong công tác quản trị vốn sản xuất kinh doanh. Hệ thống sổ sách theo dõi đầy đủ, ghi chép phản ánh đúng trình tự và phương pháp; báo cáo và thanh quyết toán đúng yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Đối với công tác quản trị doanh thu của công ty đã bám sát và thực hiện khá nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách pháp luật, chế độ quản trị tài chính của Nhà

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

nước, góp phần bảo toàn và phát triển nguồn vốn của công ty. Trong nhiều năm liền, doanh thu và lợi nhuận của công ty đã tăng lên mức đáng kể, năm 2020 công ty thu về 427,7 tỷ đồng doanh thu và đạt 19,151 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Đó là một nỗ lực đáng khích lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam. Doanh thu tăng đều đặn qua từng năm là minh chứng cụ thể nhất chứng minh cho hiệu quả của công tác quản trị doanh thu mà Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đã tổ chức thực hiện. Trong đó, việc tận dụng các nguồn doanh thu từ kinh doanh các loại vật tư ngành in luôn đảm bảo.

- Đối với công tác quản trị chi phí, mặc dù chi phí có xu hướng tăng, nhưng công ty đã thực hiện tốt công tác giám sát kiểm tra định mức chi phí, đảm bảo tăng trong mức có thể kiểm soát được, đặc biệt là chi phí nhân công và chi phí nguyên vật liệu là hai khoản chi thường xuyên và quan trọng nhất đối với hoạt động của công ty. Mặc dù giá cả thị trường tăng, giá vật tư đầu vào tăng nhưng công ty vẫn đảm bảo tăng lợi nhuận và tăng mức thu hồi vốn khấu hao hàng năm. Công ty luôn quan tâm đúng mức đến công tác thanh toán, tạo được uy tín đối với khách hàng. Thường xuyên theo dõi và có biện pháp cụ thể trong việc thanh toán công nợ.

- Trong công tác Quản trị lợi nhuận: Lợi nhuận tăng đều đặn qua từng năm là minh chứng cụ thể nhất chứng minh cho hiệu quả của công tác Quản trị lợi nhuận mà Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đã tổ chức thực hiện. Trong đó, các kinh doanh các loại vật tư ngành in hiệu quả, các công tác Quản trị vốn, doanh thu,quản trị chi phí hiệu quả dẫn đến lợi nhuận của công ty luôn gia tăng. Mặt khác, công tác phân phối lợi nhuận cũng được thực hiện đúng với quy định hiện hành. Đảm bảo các quỹ được sử dụng đúng mục đích, giúp dự phòng rủi ro cho doanh nghiệp cũng như sản xuất kinh doanh được hình ảnh tốt đẹp của doanh nghiệp.

- Đối với công tác kiểm tra và giám sát về tài chính những năm qua đã phát huy được chức năng kiểm tra, kiểm soát và giám đốc bằng đồng tiền, đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho các nhà quản trị công ty trong hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển công ty.

2.5.2. Những mặt hạn chế

Bên cạnh những kết quả tích cực, Quản trị tài chính của công ty cũng bộc lộ

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

nhiều mặt hạn chế như:

- Đối với Quản trị nguồn vốn: Trong công tác Quản trị nguồn vốn kinh doanh thì quản trị vốn lưu động của công ty còn nhiều bất cập. Lượng hàng tồn kho có nhiều và tăng lên qua các năm, đặc biệt là tồn kho chi phí sản xuất dở dang và thành phẩm. Kết quả của hoạt động Quản trị nguồn vốn về cơ bản là đáp ứng được yêu cầu quản trị, bảo toàn được vốn của công ty, song hiệu quả kinh doanh chưa cao, tình hình tài chính còn tiềm ẩn rủi ro, khả năng thanh toán thấp, khả năng sinh lời chưa cao, dẫn đến tốc độ tăng trưởng hạn chế.

- Đối với Quản trị doanh thu: Phương pháp Quản trị doanh thu còn mang nặng tính kinh nghiệm, đôi khi các quyết định quản trị đưa ra chưa sát với thực tế. Việc sử dụng công cụ phân tích TCDN để hiểu đúng bản chất sự việc từ đó dự đoán xu hướng, làm cơ sở cho quyết định chưa được thường xuyên. Việc kiểm tra, phân tích thị trường vẫn chưa được thực hiện có hiệu quả, dẫn tới giá thành chung không phù hợp với thị trường, các sản phẩm của công ty có chất lượng tốt nhưng lại không đa dạng, không được quảng bá, giới thiệu rộng rãi làm giảm khả năng cạnh tranh cũng như mức tiêu thụ của sản phẩm. Điều này ảnh hưởng phần nào đến hoạt động Quản trị doanh thu của công ty. Bên cạnh đó, công ty chưa hoàn toàn chủ động trong việc hoạch định doanh thu.

- Đối với Quản trị chi phí: Sự gia tăng tổng chi phí là một mối lo lớn đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam. Đặc biệt trong đó, các khoản chi phí bằng tiền khác chiếm tỷ trọng khá cao. Đó là những khoản không được hạch toán vào chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí quản trị,… cũng là những khoản chi phí không tham gia vào quá trình kinh doanh các loại vật tư ngành in của doanh nghiệp. Điều này làm lãng phí một lượng lớn tiền đầu tư của công ty. Việc phân loại chi phí theo chi phí biến đổi, chi phí cố định và chi phí hỗn hợp công ty chưa áp dụng, chính vì vậy việc Quản trị chi phí chưa thực sự hiệu quả.

- Đối với quản trị lợi nhuận, một số bộ phận, khoản lợi nhuận còn chồng chéo, phân bổ lợi nhuận chưa hợp lý, vẫn còn tình trạng thiếu cân đối trong nguồn lợi nhuận được phân bổ đưa vào các quỹ quản trị của công ty. Chưa hoạch định được một chiến lược lợi nhuận dài hạn hoàn chỉnh, các kế hoạch, dự thảo quản trị lợi nhuận còn đơn lẻ, mang tính sự vụ, đối phó, chưa có cái nhìn tổng quát, dài hạn, các phương pháp dự báo

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

chưa được sử dụng thường xuyên. Công ty chưa áp dụng phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận đây là cơ sở cho việc đưa ra các quyết định lựa chọn hay điều chỉnh phương thức sản xuất kinh doanh… nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

- Đối với kiểm tra, giám sát về Quản trị tài chính, các bộ phận trong công ty chưa nhận thức đúng về vai trò, vị trí của công tác kiểm tra, giám sát, hoạt động kiểm tra, giám sát nên được thực hiện thường xuyên hơn.

2.5.3. Nguyên nhân của những hạn chế

2.5.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực in là lĩnh vực chịu sự cạnh tranh gay gắt. Đội ngũ quản trị của công ty mặc dù có sự bổ sung và quan tâm đào tạo từ TTXVN song vẫn chưa thể đáp ứng được yêu cầu quản trị trong giai đoạn hiện nay mà công ty đặt ra. Công ty còn thiếu những đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực và trình độ và có kinh nghiệm quản trị, có tầm nhìn xa trông rộng và đáp ứng được sự biến đổi nhanh chóng của thị trường và nền kinh tế. Công tác lên kế hoạch sản xuất và dự báo rủi ro còn bị động. Ngoài ra, công tác marketing, truyền thông còn chưa được phát huy đầy đủ, sản phẩm của doanh nghiệp chưa được quảng bá rộng rãi tới người tiêu thụ, số lượng người tiêu dùng biết đến sản phẩm dự án của công ty còn ít. Công tác giám sát thực hiện chi phí đối với các dự án còn chưa cao, các nguồn chi phí dự trù chưa được chính xác, các khoản chi ngoài sản xuất còn nhiều nên giá thành các mặt hàng này còn cao khó có sức cạnh tranh. Công tác phân tích tài chính mới chỉ được thực hiện ở mức độ thô sơ, việc áp dụng các công nghệ khoa học vào công tác Quản trị tài chính còn hạn chế.

2.5.3.2. Nguyên nhân khách quan

Hệ thống các văn bản pháp lý còn chưa đồng bộ: Các định mức kinh tế kỹ thuật của ngành in chậm được đổi mới, cơ chế kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước còn chồng chéo; nhiều vấn đề phát sinh từ thực tiễn, bất cập của cơ chế chính sách nhưng chưa được bổ sung, sửa đổi kịp thời dẫn đến chưa được quản lý và kiểm soát một cách hiệu quả.

Xu hướng truyền thông hội tụ

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Công nghệ thông tin và truyền thông phát triển mạnh mẽ và có nhiều tác động quan trọng đến môi trường báo in. Các tờ báo và trang thông tin điện tử, đặc biệt là sự phát triển của mạng xã hội đã làm thay đổi xu hướng phát triển chung của báo chí thế giới và nhu cầu về thông tin của công chúng. Khoa học công nghệ phát triển đã tạo ra những sản phẩm công nghệ giúp độc giả tiếp cận thông tin trên báo mạng điện tử không chỉ bằng màn hình máy vi tính (computer) mà còn bằng các thiết bị điện tử di động như điện thoại di động thông minh (smartphone), thiết bị đọc sách điện tử (e-reader), máy tính bảng (tablet), điện thoại di động có màn hình to hay thiết bị lai giữa điện thoại di động và máy tính bảng (phablet)… Các thiết bị di động này ngày càng được cải tiến, tích hợp nhiều chức năng và gọn nhẹ hơn, dễ dàng di chuyển, đáp ứng tốt nhu cầu của người dùng. Thêm vào đó, thu nhập của người dân ngày càng tăng và mức giá ngày càng giảm của các thiết bị điện tử này đã giúp cho công chúng dễ dàng sở hữu chúng để phục vụ cho nhu cầu tìm kiếm và cập nhật thông tin. Thậm chí, một người có thể cùng lúc sở hữu nhiều thiết bị di động như điện thoại thông minh, máy đọc sách, máy tính bảng…Điều này ảnh hưởng đến doanh thu của báo in và án phẩm in trong tương lai

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Tiểu kết chương 2

Chương 2, tác giả tiến hành tìm hiểu về thực trạng Quản trị tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

Đầu tiên tác giả tổng quan về tình hình chung của công ty như quá trình hình thành và phát triển, bộ máy tổ chức quản lý, các kinh doanh các loại vật tư ngành in chủ yếu.

Nội dung tiếp theo và quan trọng hơn đó là đánh giá thực trạng Quản trị tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, gồm các nội dung:

Thực trạng Quản trị nguồn vốn

Thực trạng Quản trị doanh thu

Thực trạng Quản trị chi phí

Thực trạng Quản trị lợi nhuận

Thực trạng phân tích khả năng thanh toán

Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát về tài chính

Sau đó, tiến hành đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến Quản trị tài chính cũng như những mặt tích cực, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế. Từ đó, làm căn cứ để tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả Quản trị tài chính của công ty ở chương 3.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Chương 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN IN VÀ THƯƠNG MẠI THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

3.1. Mục tiêu hoàn thiện Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đến năm 2025

Có thể nói việc quản trị tài chính mang vai trò then chốt và ý nghĩa quan trọng quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quản trị tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam như sau:

Mục tiêu tối đa hóa giá trị của công ty

Tối đa hóa giá trị công ty là mục tiêu hàng đầu và nắm vai trò quan trọng nhất trong các mục tiêu. Cụ thể ở mục tiêu này các nhà quản trị hướng đến việc tối đa hóa giá trị mà công ty sở hữu. Nhờ vậy giúp nâng cao được số tài sản mà công ty sở hữu cũng như góp phần không nhỏ vào việc giúp công ty tạo một chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

Mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của công ty

Trong mục tiêu này công ty cần phải tìm cách kết hợp giữa giá cả và sản lượng hàng hóa bán ra để tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài ra khi nhìn vào phần giá trị chênh lệch này thì công ty có thể phán đoán được mình có đi đúng hướng hay không. Chính bởi vậy, nó được xem là một phần quan trọng trong đích đến của quản trị tài chính công ty.

Một số mục tiêu khác

● Quản trị tài chính cần đảm bảo được nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra một cách thường xuyên và liên tục.

● Nhà quản trị cần đảm bảo mục tiêu sử dụng nguồn vốn một cách tối ưu nhất. Song song với nó thì họ cũng cần tối thiểu hóa chi phí cho doanh nghiệp.

● Mục tiêu đảm bảo an toàn đầu tư. Cụ thể là các dự án đầu tư phải có tính an toàn và đồng thời cũng cần có khả năng tạo ra lợi nhuận và giá trị cho doanh nghiệp.

● Mục tiêu đảm bảo đầy đủ các lợi ích cho cổ đông, cho người lao động và đóng góp chúng vào lợi ích xã hội.

Để đạt được các mục tiêu Quản trị tài chính, công ty trách nhiệm hữu hạn In &

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đã đưa ra một số phương hướng chỉ tiêu tài chính dự kiến đến năm 2025 như sau:

Bảng 3.1: Dự kiến kết quả hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đến năm 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Dự kiến kết quả hoạt động		
			2023	2024	2025
	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	478,0	564,0	661,0
	- Từ SXKD	Tỷ đồng	245,0	330,0	340,0
	- Từ sản xuất kinh tế	Tỷ đồng	230,0	231,0	316,0
	- Khác	Tỷ đồng	3,0	3,0	5,0
2	Tổng vốn sản xuất tài sản	Tỷ đồng	1.010,0	1.060,0	1.160,0
	- Vốn	Tỷ đồng	900,0	900,0	900,0
	- Vốn vay	Tỷ đồng	20,0	10,0	-
	- Vốn tự có	Tỷ đồng	90,0	150,0	260,0
3	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	6,5	7,0	9,0
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20,0	25,0	30,0

(Nguồn: Phòng Kế hoạch - Công ty TNHH In và Thương mại TTXVN)

3.2. Những giải pháp hoàn thiện Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam

3.2.1. Hoàn thiện về Quản trị nguồn vốn

Như đã phân tích ở chương 2 việc Quản trị nguồn vốn của công ty còn nhiều bất cập về vốn lưu động. Vì vậy, giải pháp sẽ tập trung vào vấn đề này.

Đối với tài sản lưu động, vốn lưu động thì biện pháp chủ yếu cần được áp dụng là:

+ Xác định nhu cầu vốn lưu động cần thiết cho từng thời kỳ đầu tư kinh doanh nhằm huy động hợp lý các nguồn vốn bổ sung.

+ Quản trị chặt chẽ việc tiêu dùng vật tư theo định mức nhằm giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành.

+ Tổ chức tốt quá trình lao động, tăng cường biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng các hình thức khen thưởng vật chất và tinh thần xứng đáng với người lao động.

+ Tổ chức tốt công tác tiêu thụ sản phẩm nhằm thu hồi vốn nhanh để tái sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Áp dụng công nghệ kỹ thuật mới vào cho phép tạo ra những sản phẩm chất lượng tốt giá thành hạ. Khi áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới doanh nghiệp rút ngắn được chu kỳ sản xuất, giảm tiêu hao nguyên vật liệu hoặc vật liệu thay thế nhằm tăng tốc độ luân chuyển vốn, tiết kiệm được chi phí vật tư, hạ giá thành sản phẩm.

Bên cạnh giải pháp về vốn lưu động, công ty cũng cần quan tâm đến các nội dung sau:

+ Vốn khấu hao tài sản cố định

Nhà nước cho phép các doanh nghiệp được tự xác định thời gian sử dụng tài sản cố định trong khuôn khổ mà nhà nước quy định. Điều đó cũng tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện khấu hao nhanh hơn để tập trung vốn

+ Lợi nhuận để tái đầu tư

Về lâu dài, đây là nguồn vốn chủ yếu đối với sự tăng trưởng của doanh nghiệp.

+ Giải phóng thu hồi nhanh các vật tư tài sản ứ đọng, không cần sử dụng

Huy động tối đa các nguồn vốn hiện có vào hoạt động cũng là biện pháp rất quan trọng của vấn đề huy động vốn. Trong hoạt động này, cần quán triệt quan điểm là mọi tài sản hiện có của doanh nghiệp cần được huy động sử dụng, mọi đồng vốn không ngừng vận động và không ngừng sinh lời.

+ Rút ngắn thời gian cho chi phí sản phẩm dở dang.

Lựa chọn và áp dụng hợp lý các nguồn vốn

Đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước thì việc lựa chọn nguồn vốn là rất quan trọng và phải dựa trên nguyên tắc hiệu quả. Tuỳ thuộc vào mục đích của việc huy động mà lựa chọn các nguồn huy động hợp lý, có hiệu quả, đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về vốn, tránh tình trạng thừa thiếu vốn.

Lựa chọn phương án kinh doanh, phương án sản phẩm

Hiệu quả sử dụng vốn trước hết quy định bởi doanh nghiệp tạo ra được sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm tức là khẳng định được khả năng sản xuất của mình. Có như vậy sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất ra mới tiêu thụ được, doanh nghiệp mới có điều kiện để nâng cao hiệu quả kinh đầu tư, kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

Tổ chức tốt quá trình kinh doanh

Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam cần:

+ Xử lý nhanh những tài sản cố định không sử dụng, hư hỏng nhằm thu hồi vốn nhanh, bổ xung thêm vốn cho hoạt động đầu tư kinh doanh của công ty.

+ Bố trí dây chuyền hợp lý, khai thác tối đa và nâng cao công suất làm việc của máy móc, thiết bị, sử dụng triệt để diện tích sản xuất và giảm chi phí khấu hao trong giá thành sản phẩm.

+ Phân cấp quản trị tài sản cố định cho các bộ phận sản xuất nhằm nâng cao trách nhiệm vật chất trong sử dụng tài sản cố định.

3.2.2. Hoàn thiện về Quản trị doanh thu

Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam cần áp dụng các biện pháp điều tra khảo sát thị trường một cách có hiệu quả, từ đó đánh giá được nhu cầu của thị trường, lấy cơ sở để xác định giá thành sản phẩm sao cho cạnh tranh nhất. Từ đó giúp tăng doanh thu và lợi nhuận của công ty. Công ty cần có giải pháp trong hoạt động Marketing, thay đổi mẫu mã sản phẩm đa dạng sao cho đáp ứng nhiều nhất nhu cầu của thị trường. Đa dạng hóa sản phẩm giúp doanh nghiệp có thể linh hoạt đối phó với những thay đổi bất thường của thị trường tiêu thụ. Mặt khác, công ty cũng cần thực hiện các biện pháp nhằm duy trì chất lượng sản phẩm tốt mà công ty đã đạt được trong những năm qua. Quản trị chặt chẽ các nguồn hình thành doanh thu, tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động; quan tâm đầu tư đúng mức đến các hoạt động khác ngoài hoạt động trong đó có đầu tư về tài chính. Đưa ra các nghiên cứu và quyết định đúng đắn cho mỗi công cuộc đầu tư. Thực hiện tốt công tác nghiên cứu phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, tăng cường hoạt động tìm kiếm và định hướng cho thị trường, từ đó góp phần nâng cao sức tiêu thụ sản phẩm.

3.2.3. Hoàn thiện về Quản trị chi phí

Để tối đa hóa lợi nhuận, doanh nghiệp phải quản trị tốt chi phí. Vì vậy, công ty phải nắm rõ kết cấu chi phí để có biện pháp thích hợp trong việc kiểm soát và cắt giảm chi phí. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí là một trong những cách phân loại cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản trị đưa ra quyết định phù hợp trong ngắn hạn và dài hạn. Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí (mối quan hệ với mức

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

độ hoạt động) giúp nhà quản lý lập kế hoạch, soạn thảo dự toán và có thể dự báo chi phí phát sinh ở những mức sản xuất và tiêu thụ khác nhau.

3.2.4. Hoàn thiện về quản trị lợi nhuận

Phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng – lợi nhuận là một trong những nội dung quan trọng của quản trị lợi nhuận. Nó giúp nhà quản trị đánh giá được ảnh hưởng của từng nhân tố như: giá bán, sản lượng, kết cấu mặt hàng, và đặc biệt là ảnh hưởng của kết cấu chi phí tới lợi nhuận của doanh nghiệp như thế nào. Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam chưa thực hiện việc phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty chưa tiến hành phân loại chi phí theo mối quan hệ với mức độ hoạt động nên các báo cáo của chi phí cũng chưa được lập theo các yếu tố chi phí biến đổi và chi phí cố định nên chưa có cơ sở để tính toán, phân tích các chỉ tiêu trong mối quan hệ này. Do vậy, tác giả đề xuất công ty nên thực hiện phân tích mối quan hệ giữa chi phí – khối lượng và lợi nhuận sau khi đã tiến hành phân loại chi phí theo chi phí biến đổi, chi phí cố định và tách chi phí hỗn hợp như ở giải pháp về quản trị chi phí mà tác giả đã đề xuất ở trên.

3.2.5 Hoàn thiện về khả năng thanh toán

Qua thực trạng khả năng thanh toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam ở Chương 2, các nhà phân tích mới chỉ thấy được khả năng thanh toán chưa thể hiện được tình hình thanh toán của Công ty. Do vậy các nhà phân tích sẽ không thể đánh giá chất lượng hoạt động tài chính cũng như việc chấp hành kỷ luật thanh toán. Để khắc phục được điều này cũng như để có đủ thông tin hơn để đánh giá toàn diện về khả năng thanh toán, công ty cần phải tiến hành phân tích tình hình thanh toán như các khoản phải thu, các khoản phải trả để thấy được mức độ chiếm dụng vốn của doanh nghiệp cũng như tình hình trả nợ của Công ty như thế nào. Ngoài các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, công ty nên bổ sung thêm chỉ tiêu hệ số khả năng chi trả, chỉ tiêu này là một trong các chỉ tiêu đo lường khả năng thanh toán một cách cẩn trọng hơn, cho biết mức độ khả năng thanh toán ngắn hạn có thể hoàn trả từ dòng tiền kinh doanh các loại vật tư ngành in của Công ty.

3.2.6. Hoàn thiện về công tác kiểm tra, giám sát việc quản trị tài chính

Kiểm tra, giám sát là một hoạt động rất quan trọng không thể thiếu được trong

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

công tác quản trị tài chính. Kiểm tra tài chính là kiểm tra bằng tiền gắn với mọi quá trình vận động của dòng tiền qua các khâu khác nhau của quá trình kinh doanh, nhằm xem xét tính đúng đắn, hợp lý, hợp pháp của các khoản chi, tính tiết kiệm và hiệu quả của việc sử dụng chúng.

Muốn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phải làm tốt các biện pháp sau:

- Nhận thức đúng đắn về vị trí và vai trò của công tác kiểm tra, kiểm soát, đồng thời hiểu đúng về nguyên tắc kiểm tra tài chính, những quy định, điều lệ, chế độ quản trị tài chính.

- Kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban kiểm soát trong công ty. Cần bảo đảm tính độc lập tương đối của Ban kiểm soát trong hoạt động chuyên môn.

- Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, toàn diện cả trong quá trình lập, thực hiện và sau khi thực hiện các kế hoạch tài chính.

- Hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật chi tiết.

3.2.7. Phân định rõ ràng chức năng các bộ phận trong doanh nghiệp trong quản trị và thực hiện nhiệm vụ quản trị tài chính

Hiện nay trong công ty không có phó giám đốc về tài chính, nhưng có phó giám đốc kinh doanh, cần có sự phân định trong vị trí vai trò của kế toán trưởng, phó giám đốc kinh doanh và Giám đốc trong quản trị tài chính của công ty. Phối hợp chặt chẽ hơn giữa bộ phận quản trị tài chính với các phòng ban chức năng khác như phòng kế hoạch, phòng vật tư, phòng kinh doanh, phòng marketing, đặc biệt là tạo ra mối quan hệ chặt chẽ giữa bộ phận quản trị tài chính, giám đốc kinh doanh với giám đốc tài chính.

Để làm tốt nội dung này, Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam cần thực hiện các biện pháp đối với nguồn nhân lực và đội ngũ quản trị:

+ Có cơ chế phù hợp nhằm khuyến khích cán bộ, nhân viên tài chính kế toán học tập nâng cao trình độ. Có thể tiến hành theo hai hình thức là cử đi học và đào tạo tại chỗ.

+ Cần có chính sách khuyến khích những người có năng lực, tuyển dụng được những cán bộ tài chính - kế toán, đặc biệt là cán bộ quản trị tài chính có trình độ cao, đồng thời có chiến lược sử dụng hợp lý, tránh tình trạng chảy máu chất xám trong các DNNN.

+ Có kế hoạch và kiến nghị đối với TTXVN về việc đào tạo những lớp cán bộ trẻ năng động thực hiện việc quản trị tài chính. Đó là những người có đầy đủ phẩm chất và kiến thức để trở thành đội ngũ cán bộ quản trị giỏi.

Việc xây dựng các quy chế quy định trong quản trị tài chính của công ty để đạt

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

được hiệu quả thiết thực trong quản trị phải đạt được các tiêu chí sau:

Thứ nhất, yêu cầu bắt buộc là tính hợp pháp không trái với quy định của các văn bản về chế độ tài chính và kế toán đã ban hành của Nhà nước…

Thứ hai, các quy chế quy định phải có tính thiết thực, để đảm bảo tính thiết thực sau một thời gian ban hành và thực hiện cần có sự đánh giá việc thực hiện quy chế mặt phù hợp và chưa phù hợp, sau đó bổ sung và sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu quản trị.

Thứ ba, các quy chế quy định phải đem lại hiệu quả trong công tác quản trị tài chính, để sử dụng các quy chế quy định như một công cụ quản trị tài chính đạt hiệu quả cao cần phải áp dụng công nghệ thông tin tiên tiến

3.3. Một số kiến nghị

3.3.1. Đối với Nhà nước

Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2018 hướng dẫn về nội dung giám sát đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp căn cứ vào 3 chỉ tiêu: doanh thu và thu nhập khác, chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn, chỉ tiêu tính chấp hành các quy định của pháp luật hiện hành.Trong đó chỉ tiêu về doanh thu và thu nhập khác so sánh với năm trước liền kề : tăng 5% xếp loại A, tăng giảm dưới 5% xếp loại B, giảm từ 5% trở lên xếp loại C là chưa phù hợp với doanh nghiệp với đặc thù là sản phẩm công ích (Nhà nước đặt hàng), doanh thu hoàn toàn phụ thuộc vào hàng đặt. Riêng đối với các doanh nghiệp công ích nên đánh giá theo tiêu chí hoàn thành nhiệm vụ giao về sản lượng và chất lượng và chỉ tiêu về bảo toàn vốn, chỉ tiêu đảm bảo thu nhập và việc làm cho cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp. Bộ Tài chính nên ban hành một số nội dung, chỉ tiêu và phương pháp Quản trị có tính chất bắt buộc hoặc tham khảo cho các doanh nghiệp, phù hợp với từng loại hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh việc công bố thông tin, nhà nước cũng cần ban hành các chế tài xử lý vi phạm đối với các đơn vị liên quan trong việc công bố thông tin, tránh tình trạng công bố thông tin thiếu tin cậy, gây định hướng sai lệch đối với quá trình phân tích tài chính của các doanh nghiệp.

Ban hành những quy định cụ thể đối với công tác thống kê. Quản trị tài chính sẽ trở nên đầy đủ và có ý nghĩa hơn nếu có hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành. Đây là cơ sở tham chiếu quan trọng khi tiến hành phân tích. Thông qua việc đối chiếu với hệ thống chỉ tiêu trung bình ngành, nhà quản lý tài chính biết được vị thế của doanh nghiệp mình, từ đó đánh giá được cụ thể hơn thực trạng tài chính cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

3.3.2 Đối với các Bộ, Ngành liên quan

Cần công khai hoá các thông tin tài chính làm cơ sở để có số liệu trung bình của

ngành và sản xuất kinh doanh các quy định về chế độ, trách nhiệm của những người liên quan trong quá trình lập, công bố thông tin và phân tích thông tin trên báo cáo tài chính.

Tiểu kết chương 3

Trong chương 3, tác giả đã trình bày bối cảnh phát triển của công ty đòi hỏi phải nâng cao hiệu quả Quản trị tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

Nội dung tiếp theo là các giải pháp nâng cao hiệu quả Quản trị tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam, cụ thể là các giải pháp như sau:

+ Giải pháp về Quản trị nguồn vốn sản xuất kinh doanh

+ Giải pháp về Quản trị doanh thu

+ Giải pháp về Quản trị chi phí

+ Giải pháp về Quản trị lợi nhuận

+ Giải pháp về Quản trị khả năng thanh toán

+ Giải pháp về công tác kiểm tra, giám sát về tài chính

+ Giải pháp về phân định rõ ràng chức năng các bộ phận trong doanh nghiệp trong quản trị và thực hiện nhiệm vụ quản trị tài chính

Các giải pháp được tác giả đề xuất căn cứ vào phân thực trạng đã được trình bày tại chương 2 của luận văn.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

KẾT LUẬN

Quản trị tài chính là một nội dung quan trọng nhất trong hoạt động quản trị doanh nghiệp, kết quả tài chính là một bức tranh toàn cảnh, rõ nét nhất về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng Quản trị tài chính có đóng góp không nhỏ vào nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo ra lợi thế cạnh tranh tốt trong nền kinh tế thị trường. Vấn đề này đã được bàn đến khá nhiều, song tính thời sự của nó vẫn còn nguyên giá trị, mặt khác ở mỗi thời điểm khác nhau, tình huống khác nhau, doanh nghiệp khác khau,… phương pháp để quản trị cũng khác nhau, hay nói cách khác Quản trị tài chính vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật. Việc nghiên cứu đề tài *"***Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam***"* đã đạt được những kết quả sau:

Hệ thống hóa và làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về Quản trị tài chính doanh nghiệp. Trong đó, luận văn cũng đã tập trung chủ yếu vào các nội dung phân tích tài chính và các biện pháp quản trị tài chính. Tập trung đi sâu nghiên cứu các nội dung và biện pháp trong công tác Quản trị tài chính doanh nghiệp.

Là người trực tiếp quản trị, theo dõi hoạt động tài chính của công ty, qua nghiên cứu khảo sát, đánh giá một cách toàn diện, với những phương pháp phù hợp, tác giả đã cho thấy một thực trạng của Quản trị tài chính với những tồn tại được chỉ ra.

Trên cơ sở đó luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam. Những giải pháp này có thể không mới, song lại là cần thiết và hữu dụng đối với công ty trong thời điểm này.

Quản trị tài chính là một lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm, cùng một phương pháp nhưng áp dụng ở các doanh nghiệp khác nhau lại cho kết quả khác nhau, bên cạnh đó cách đánh giá chất lượng quản trị tài chính cũng có khía cạnh không định lượng được. Tính phức tạp của hoạt động này được thể hiện cả trên lý luận và thực tiễn, vì vậy, kết quả nghiên cứu của luận văn chỉ là một đóng góp nhỏ cho sự phát triển của khoa học tài chính, song do trình độ còn hạn chế, chắc chắn luận văn không tránh khỏi thiếu sót. Tác giả luận văn mong muốn nhận được nhiều sự góp ý kiến của các nhà khoa học để luận văn ngày càng được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam các năm: 2018, 2019, 2020.

2. Nguyễn Văn Chọn (2015), Quản trị Nhà nước về kinh tế và quản trị kinh doanh trong sản xuất kinh doanh, Nhà xuất bản Hà Nội.

3. Phạm Công Dũng (2018), Luận văn: "Quản trị tài chính của công ty cổ phần kim khí Hà Nội".

4. Phan Đức Dũng (2013), Phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp.

5. Trần Việt Dũng (2019), Luận văn: " Phân tích và một số giải pháp tăng cường quản lý tài chính tại Công ty cổ phần Greenfeed Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên"

6. Điều lệ hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

7. Nguyễn Trà Giang (2018), Luận văn: "Nâng cao hiệu quả Quản trị tài chính tại công ty cổ phần sản xuất kinh doanh Công trình Việt"

8. Nguyễn Đăng Hạc (2011), Phân tích kinh tế hoạt động của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, Nhà xuất bản Hà Nội.

9. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.

10. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH 13 ngày 26/11/2014.

11. Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2019/QH12 ngày 03/6/2019.

12. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2013/QH12 ngày 03/6/2013.

13. Nguyễn Văn Minh (2018), Luận văn: "Quản trị tài chính tại công ty cổ phần xuất nhập khẩu Huy Hoàng".

14. Quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam.

15. Đoàn Xuân Tiên (2018), Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp, Nhà xuất bản Tài chính.

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

PHỤ LỤC

Trong chương trình thực hiện luận văn thạc sĩ: "**Quản trị tài chính tại công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam"**, Để đánh giá một cách chính xác và toàn diện công tác Quản trị tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn In và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam. Tác giả muốn tìm hiểu những suy nghĩ, nhận định của anh (chị) về các công tác Quản trị tài chính của công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác Quản trị tài chính. Những trả lời của anh (chị) theo những câu hỏi trong phiếu dưới đây hoàn toàn là những dữ liệu phục vụ cho công tác nghiên cứu, phân tích. Anh (chị) xin vui lòng đánh dấu vào các ô theo mức độ từ rất không đồng ý đến rất đồng ý theo số thứ tự từ 1 đến 5 như sau:

1: Rất không đồng ý; 2: không đồng ý; 3: trung lập; 4: đồng ý; 5: rất đồng ý

I. Thông tin cá nhân.

1. Họ tên:..... Tuổi:……..

2. Giới tính: Nam [ ] Nữ [ ]

3. Đơn vị Công tác:.....

II. Độ tuổi:

□ Dưới 30 tuổi.

□ Từ 30 tuổi – dưới 40 tuổi.

□ Từ 40 tuổi – dưới 50 tuổi.

□ Trên 50 tuổi.

III. Trình độ:

□ Đại học và sau đại học.

□ Cao đẳng.

□ Trung cấp.

□ Dạy nghề, THPT.

IV. Thâm niên công tác:

□ Dưới 6 tháng.

□ Từ 1 – 3 năm.

□ Từ 3 -5 năm.

□ Trên 5 năm.

Đánh giá chất lượng công tác quản trị sử dụng vốn tại công ty, tác giả sử dụng bảng số liệu thu thập và tổng hợp lại đối với công tác quản trị vốn dưới đây:

Nội dung	Tiêu chí đánh giá	1	2	3	4	5
Quản trị sử dụng vốn	Các sổ sách tài chính của công ty được thực hiện rõ ràng, minh bạch và trung thực					
	Công tác kiểm kê tài sản hiện có của doanh nghiệp được thực hiện định kỳ và có độ chính xác cao					
	Mức độ dự trữ hàng tồn kho của công ty là hợp lý					
	Công tác giám sát các hoạt động sử dụng vốn của công ty được lãnh đạo công ty hết sức quan tâm					
	TTXVN thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sử dụng vốn và có những chỉ đạo định hướng về vốn tích cực.					
Quản trị doanh thu và lợi nhuận	Công tác khảo sát thị trường và sản xuất kinh doanh mức giá cho sản phẩm được công ty thực hiện định kỳ và có hiệu quả					
	Công ty thực hiện tốt các biện pháp đảm bảo duy trì chất lượng sản phẩm, uy tín kinh doanh					
	Công ty đã thực hiện tốt công tác maketing và đa dạng hóa sản phẩm					
	Mọi công việc sử dụng các nguồn quỹ đều được báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của TTXVN và Bộ Tài chính.					
	TTXVN thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát và hỗ trợ hoạt động sử dụng nguồn quỹ trích từ lợi nhuận của công ty.					
Quản trị chi phí SX	Định mức kinh tế của công ty được TTXVN phê duyệt phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty					

	Công ty chấp hành tốt các định mức kinh tế.					

Quản trị chi phí SX	Các báo cáo chi phí sử dụng cho hoạt động của công ty được thực hiện đầy đủ và kịp thời, chính xác					
	Hoạt động phân tích định kỳ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được công ty thực hiện một cách hiệu quả					
Chất lượng đội ngũ cán bộ quản trị tài chính	Lãnh đạo công ty, lãnh đạo bộ phận quản trị tài chính có đầy đủ kiến thức và kỹ năng thực hiện công tác quản trị tài chính của mình					
	Trình độ năng lực cán bộ quản lý tài chính cơ quan cấp trên trong hỗ trợ công ty					
	Có những biện pháp đào tạo nhân sự quản lý cho công ty một cách hiệu quả					
Cơ chế, công cụ, hình thức quản lý	Bộ Tài chính đưa ra các quy chế, công cụ quản trị tài chính phù hợp với điều kiện thực tế tại doanh nghiệp					
	Các quy chế, quy định, công cụ quản lý của Công ty trách nhiệm hữu hạn In & Thương mại Thông tấn xã Việt Nam đã mang lại hiệu quả quản trị tài chính cao tại công ty					

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Mẫu số: B01-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	305.600.305.600	260.126.980.127
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		305.600.305.600	260.126.980.127
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	291.208.291.208	247.876.497.476
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.392.014.392	12.250.482.650
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	3.594.003.594	3.059.215.859
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	1.238.001.238	1.053.786.654
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	542.000.542	461.350.861
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	5.892.005.892	5.015.275.415
10. Lợi nhuận thuần từ kinh doanh (30 = 20 + (21 -22) – 25 – 26	30		10.314.010.314	8.779.285.579
11. Thu nhập khác	31	VII.6	193.000.193	164.281.764
12. Chi phí khác	32	VII.7	142.000.284	120.870.642
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		50.999.909	43.411.123
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.365.010.223	8.822.696.702
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	1.865.701.840	1.588.085.406
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		8.499.308.383	7.234.611.295

Mẫu số: B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	350.600.701.200	305.600.305.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		350.600.701.200	305.600.305.600
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	332.894.665.788	291.208.291.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.706.035.412	14.392.014.392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	3.194.406.389	3.594.003.594
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	990.401.981	1.238.001.238
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	1.029.002.058	542.000.542
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	5.706.011.412	5.892.005.892
10. Lợi nhuận thuần (30 = 20 + (21 -22) – 25 – 26	30		13.175.026.350	10.314.010.314
11. Thu nhập khác	31	VII.6	108.000.216	193.000.193
12. Chi phí khác	32	VII.7	63.000.126	142.000.284
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		45.000.090	50.999.909
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.220.026.440	10.365.010.223
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	2.379.604.759	1.865.701.840
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		10.840.421.681	8.499.308.383

(Luận văn 24 - Đơn vị chuyên cung cấp luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh)

Mẫu số: B01-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	423.600.847.200	350.600.701.200
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		423.600.847.200	350.600.701.200
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	399.600.799.200	332.894.665.788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24.000.048.000	17.706.035.412
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	3.953.407.907	3.194.406.389
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	1.364.002.728	990.401.981
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8	1.485.002.970	1.029.002.058
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	6.000.012.000	5.706.011.412
10. Lợi nhuận thuần (30 = 20 + (21 -22) – 25 – 26	30		19.104.438.209	13.175.026.350
11. Thu nhập khác	31	VII.6	154.000.308	108.000.216
12. Chi phí khác	32	VII.7	107.000.214	63.000.126
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		47.000.094	45.000.090
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.151.438.303	13.220.026.440
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	3.447.258.895	2.379.604.759
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.11		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		15.704.179.408	10.840.421.681

PHÂN LOẠI CHI PHÍ THEO CÁCH ỨNG XỬ CHI PHÍ TRONG CÔNG TY

(Theo đề xuất của tác giả)

Khoản mục chi phí	**Chi phí biến đổi**	**Chi phí cố định**
1. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		
- Chi phí nguyên vật liệu chính	x	
- Chi phí nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu	x	
2. Chi phí nhân công trực tiếp		
- Lương cơ bản		x
- Lương theo sản phẩm	x	
- Các khoản trích theo lương		x
3. Chi phí sản xuất chung		
- Lương nhân viên phân xưởng		
+ Lương cơ bản		x
+ Lương theo sản phẩm gián tiếp	x	
+ Các khoản trích theo lương		x
- Nhiên liệu	x	
- Vật liệu	x	
- Điện, nước	x	
- Khấu hao tài sản cố định		x
- Chi phí khác		x
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý		
+ Tiền lương cơ bản		x
+ Tiền lương theo sản phẩm gián tiếp	x	
+ Trích BHXH		x
- Chi phí văn phòng phẩm, vật liệu quản lý		x
- Chi phí công cụ dụng cụ quản lý		x
- Chi phí khấu hao TSCĐ		x
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		x
- Chi phí bằng tiền khác		x